BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

-------☆------

BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CAMPUCHIA

Hà Nội, tháng 9/2019

MỤC LỤC

Lời nói đầu 5
Giới thiệu đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia. 7
1. Khái quát về đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia 7
2. Địa hình khu vực biên giới 11
3. Hệ thống sông suối biên giới 12
4. Đặc điểm khí hậu, thời tiết khu vực biên giới..... 14
5. Hệ thống giao thông và dân cư khu vực biên giới 14
6. Cửa khẩu biên giới 15
Danh sách các cửa khẩu đang hoạt động..... 18
Quá trình hình thành đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia 22
1. Biên giới Nam Kỳ - Campuchia 22
2. Biên giới Trung Kỳ - Campuchia..... 26
Tiến trình đàm phán giải quyết biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia 28
1. Thời kỳ từ năm 1954 - 1979 28
2. Thời kỳ từ năm 1979 - 1999 35
3. Thời kỳ từ năm 1999 đến nay 41
Công tác phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia 46
1. Giai đoạn chuẩn bị 46
2. Triển khai công tác phân giới, cắm mốc 48
3. Các tồn đọng liên quan đến phân giới, cắm mốc và hướng xử lý. 55
4. Các công việc triển khai trong thời gian tới..... 55
Nhiệm vụ trọng tâm của công tác quản lý nhà nước về biên giới trên đất liền giữa Việt Nam – Campuchia giai đoạn hiện nay 57

Quan hệ Việt Nam – Campuchia trong thời gian gần đây62
1. Về chính trị.....62
2. Về quốc phòng, an ninh 65
3. Về kinh tế, thương mại, đầu tư 66
4. Về các lĩnh vực hợp tác khác 67
Phụ lục.....69
Hệ thống cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia 70
Hiệp định về vùng nước lịch sử của nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Campuchia 75
Hiệp ước về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Campuchia.....79
Hiệp định về quy chế biên giới giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Campuchia 82
Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Campuchia.....95
Thông cáo báo chí Việt Nam - Campuchia..... 114
Hiệp ước giữa nước CHXHCN Việt Nam và Vương quốc Campuchia bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985.....120
Hiệp ước xác định giao điểm đường biên giới giữa nước CHXHCN Việt Nam, Vương quốc Campuchia và nước CHNCND Lào 131
Bản Ghi nhớ về việc điều chỉnh đường biên giới trên bộ đối với một số khu vực tồn đọng giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia.....134
26 mảnh bản đồ tỷ lệ 1/100.000.....138
40 mảnh bản đồ tỷ lệ 1/50.000.....140

LỜI NÓI ĐẦU

Đường biên giới trên đất liền Việt Nam và Campuchia đi qua 10 tỉnh của Việt Nam và 09 tỉnh của Campuchia. Trong gần nửa thế kỷ qua, Việt Nam và Campuchia đã tiến hành nhiều đợt đàm phán, ký kết được nhiều văn kiện pháp lý để ghi nhận thành quả giải quyết biên giới giữa hai nước, góp phần xây dựng một đường biên giới hòa bình, ổn định lâu dài, góp phần bảo vệ an ninh biên giới, tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị, phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho việc làm ăn sinh sống của nhân dân hai bên khu vực biên giới.

Đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia đã được hoạch định trong Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia ký ngày 27/12/1985 và Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia ký ngày 10/10/2005. Trên cơ sở hai Hiệp ước này, Việt Nam và Campuchia đã triển khai công tác phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền từ đầu năm 1986. Tính đến tháng 12/2018, hai bên đã hoàn thành khoảng 84% khối lượng công tác phân giới, cắm mốc.

Với mục đích cung cấp thông tin nhằm nâng cao nhận thức, góp phần giúp những người làm công tác biên giới và nhân dân khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia hiểu rõ hơn về đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia, Ủy ban Biên giới quốc gia - Bộ Ngoại giao biên soạn và phát hành cuốn sách *"Biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia"*.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc./.

GIỚI THIỆU ĐƯỜNG BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CAMPUCHIA

Hình dáng đường biên giới trên đất liền Việt Nam – Campuchia.(Nguồn: UBBGQG)

1. Khái quát về đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia

Việt Nam và Campuchia có chung đường biên giới trên đất liền[1], điểm khởi đầu ở vị trí là giao điểm đường biên giới 3 nước Việt Nam - Campuchia - Lào, điểm kết thúc ở vị trí cuối cùng của đường biên giới đất liền trên bờ vịnh Thái Lan tiếp giáp giữa tỉnh Kiên Giang (Việt Nam) và tỉnh Kampot

1. Số liệu chiều dài đường biên giới đo trên bộ bản đồ tỷ lệ UTM 1/50.000 đính kèm Hiệp ước hoạch định năm 1985 là 1.137km.

(Campuchia). Đường biên giới này đi qua địa giới hành chính 10 tỉnh của Việt Nam (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang) và 09 tỉnh của Campuchia (Rattanakiri, Mondulkiri, Kratié, Tboung Khmum, Svay Rieng, Prey Veng, Kandal, Takeo, Kampot).

Một số nét cơ bản về chiều dài đường biên giới, mốc quốc giới[2] theo Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985 (Hiệp ước hoạch định năm 1985), Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985 (Hiệp ước bổ sung năm 2005) đi qua địa bàn các tỉnh biên giới phía Việt Nam cụ thể như sau[3]:

- Tỉnh Kon Tum (có 2 huyện với 6 xã biên giới) tiếp giáp với tỉnh Rattanakiri: Đường biên giới dài khoảng 95 km, được giao cắm tổng số 29 cột mốc chính tại 24 vị trí mốc (từ mốc quốc giới số 1 đến cột mốc số 24).

- Tỉnh Gia Lai (có 3 huyện với 7 xã biên giới) tiếp giáp với tỉnh Rattanakiri: Đường biên giới dài khoảng 90 km, được giao cắm tổng số 20 cột mốc

2. Số liệu về chiều dài biên giới và cột mốc biên giới tạm thời lấy theo Hiệp ước hoạch định năm 1985 và Kế hoạch tổng thể công tác phân giới, cắm mốc theo Hiệp ước hoạch định năm 1985 và Hiệp ước bổ sung năm 2005

3. Số liệu các huyện, xã biên giới phía Việt Nam lấy theo Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về Quy chế khu vực biên giới đất liền nước CHXHCN Việt Nam.

chính tại 16 vị trí mốc (từ mốc quốc giới số 25 đến cột mốc số 40).

- Tỉnh Đắk Lắk (có 2 huyện với 4 xã biên giới) tiếp giáp với tỉnh Mondulkiri: Đường biên giới dài khoảng 73 km, được giao cắm tổng số 11 cột mốc chính tại 7 vị trí mốc (từ mốc quốc giới số 41 đến cột mốc số 47).

- Tỉnh Đắk Nông (có 4 huyện, 7 xã biên giới) tiếp giáp với tỉnh Mondulkiri: Đường biên giới dài khoảng 120 km, được giao cắm tổng số 24 cột mốc chính tại 13 vị trí mốc (từ mốc quốc giới số 48 đến cột mốc số 60).

- Tỉnh Bình Phước (có 3 huyện, 15 xã biên giới) tiếp giáp với 3 tỉnh của Campuchia (Mondulkiri, Kratié, Tboung Khmum): Đường biên giới dài khoảng 210 km, được giao cắm tổng số 29 cột mốc chính tại 19 vị trí mốc từ số 61 đến số 79 (đoạn biên giới giáp với tỉnh Mondulkiri có 8 cột mốc tại 5 vị trí từ mốc số 61 đến 65; giáp với tỉnh Kratié có 11 cột mốc tại 8 vị trí từ cột mốc số 66 đến cột mốc số 73; giáp với tỉnh Tboung Khmum có 10 cột mốc tại 6 vị trí từ cột mốc số 74 đến cột mốc số 79).

- Tỉnh Tây Ninh (có 5 huyện, 20 xã biên giới) tiếp giáp với 3 tỉnh của Campuchia (Tboung Khmum, Prey Veng, Svay Rieng): Đường biên giới dài khoảng 220 km, được giao cắm tổng số 108 cột mốc chính

tại 100 vị trí từ cột mốc số 80 đến cột mốc số 179 (đoạn biên giới giáp với tỉnh Tboung Khmum có 50 cột mốc tại 50 vị trí từ cột mốc số 80 đến cột mốc số 129; giáp với tỉnh Prey Veng có 5 cột mốc tại 3 vị trí từ cột mốc số 130 đến cột mốc số 132; giáp với tỉnh Svay Rieng có 53 mốc tại 47 vị trí từ cột mốc số 133 đến cột mốc số 179).

- Tỉnh Long An (có 5 huyện, 1 thị xã, 20 xã biên giới) tiếp giáp với tỉnh Svay Rieng: Đường biên giới dài khoảng 136 km, được giao cắm tổng số 57 cột mốc chính tại 51 vị trí mốc (từ mốc quốc giới số 180 đến cột mốc số 230).

- Tỉnh Đồng Tháp (có 2 huyện, 1 thị xã, 8 xã biên giới) tiếp giáp với tỉnh Prey Veng: Đường biên giới dài khoảng 49 km, được giao cắm tổng số 16 cột mốc chính tại 10 vị trí mốc (từ mốc quốc giới số 231 đến cột mốc số 240).

- Tỉnh An Giang (có 3 huyện, 1 thành phố, 1 thị xã, 18 xã phường biên giới) tiếp giáp với 2 tỉnh của Campuchia (Kandal, Takeo): Đường biên giới dài khoảng 96 km, được giao cắm tổng số 49 cột mốc chính tại 46 vị trí từ cột mốc số 241 đến cột mốc số 286 (đoạn biên giới giáp với tỉnh Kandal có 16 cột mốc tại 13 vị trí từ cột mốc số 241 đến cột mốc số 253; giáp với tỉnh Takeo có 33 cột mốc tại 33 vị trí từ cột mốc số 254 đến cột mốc 286).

- Tỉnh Kiên Giang (có 1 huyện, 1 thị xã, 7 xã phường biên giới) tiếp giáp với 2 tỉnh của Campuchia (Takeo và Kampot): Đường biên giới dài khoảng 48 km, được giao cắm tổng số 28 cột mốc chính tại 28 vị trí từ cột mốc số 287 đến cột mốc số 314 (đoạn biên giới giáp với tỉnh Takeo có 4 cột mốc tại 4 vị trí từ cột mốc số 287 đến cột mốc số 290; giáp với tỉnh Kampot có 24 cột mốc tại 24 vị trí từ cột mốc số 291 đến cột mốc số 314).

Ngoài ra, hai Bên thống nhất bổ sung thêm 1069 vị trí/1512 cột mốc phụ, 221 vị trí/221 cọc dấu[4] để làm rõ hơn hướng đi của đường biên giới trên thực địa, tạo điều kiện cho người dân biên giới cũng như lực lượng chức năng hai bên dễ nhận biết, quản lý đường biên, mốc giới.

2. Địa hình khu vực biên giới

Nhìn chung, đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia đi qua hai dạng địa hình đặc trưng là rừng núi và đồng bằng. Đoạn biên giới thuộc các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước và một phần phía Bắc tỉnh Tây Ninh đi qua

4. Về mốc phụ/cọc dấu bổ sung, ta và Campuchia thống nhất cắm bổ sung tổng số 1733 cột mốc phụ, cọc dấu để làm rõ hơn hướng đi của đường biên giới trên thực địa ở những khu vực đã hoàn thành công tác phân giới, cắm mốc (*chưa tính ở các đoạn biên giới tồn đọng chưa phân giới, cắm mốc và các khu vực chưa hoàn thành hoán đổi đất theo mô hình MOU*). Việt Nam chịu trách nhiệm cắm các cột mốc phụ/cọc dấu có số chẵn, Campuchia cắm các cột mốc phụ/cọc dấu có số lẻ.

địa hình rừng núi, độ cao trung bình từ 100 m đến 1.400 m, một số đoạn biên giới đi theo đường sống núi hoặc theo sông suối, một số đoạn biên giới là các đoạn thẳng dài hàng chục km cắt qua các dạng địa hình bất kỳ (đồi núi, rừng, sông suối ...). Đoạn biên giới thuộc phía Nam tỉnh Tây Ninh và các tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang đi qua địa hình đồng bằng khá bằng phẳng, có đoạn đi theo sông rạch, qua khu vực đồng ruộng, sình lầy, cũng có một số đoạn đường biên giới theo đoạn thẳng.

3. Hệ thống sông suối biên giới

Theo Hiệp ước hoạch định năm 1985, các đoạn biên giới theo sông suối được hai bên thống nhất hoạch định cơ bản giữ nguyên như đường biên giới theo sông suối đã thể hiện trên bản đồ Bonne tỉ lệ 1/100.000 do Sở Địa dư Đông Dương xuất bản được hai bên thống nhất lựa chọn đính kèm Hiệp ước nguyên tắc năm 1983. Theo đó, trong tổng số khoảng 1.245 km chiều dài đường biên giới trên toàn tuyến, có hơn 500 km đường biên giới đi theo 28 đoạn sông, suối.

Hiện nay, do tác động của thiên nhiên, có một vài sông rạch biên giới tuy được thể hiện trên bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 nhưng không còn tồn tại hoặc tồn tại không rõ ràng trên thực địa (rạch Đìa Gai, rạch không tên tại cù lao Khánh Hoà thuộc tỉnh An Giang). Sông suối biên giới ở các tỉnh Kon Tum, Gia

Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước và Tây Ninh đi qua các dạng địa hình rừng núi, thổ nhưỡng tương đối bền vững, nên dòng chảy và hai bên bờ khá ổn định. Ngược lại, sông rạch biên giới ở các tỉnh Long An, Đồng Tháp và An Giang đi qua vùng đồng bằng hàng năm bị ngập lụt theo mùa nên thường bị phù sa bồi lắng làm thay đổi lòng sông và lưu lượng dòng chảy, có một số nơi hai bờ bị sạt lở ảnh hưởng rất lớn đến vị trí của đường biên giới như hợp lưu sông Tam Ly - Cái Cỏ - Sở Hạ, sông Hậu và hợp lưu sông Hậu - rạch Bình Di.

Trừ một số sông biên giới tương đối lớn và dài (như sông Nậm Sa Thầy, Se San, rạch Cái Bác, Sở Thượng, sông Hậu), còn lại đa số là các suối, rạch biên giới nhỏ và hẹp. Các sông, rạch biên giới từ phía Nam tỉnh Tây Ninh đến An Giang có giá trị sử dụng tương đối cao về giao thông, thủy lợi, thủy sản, nhưng có điểm yếu là không ổn định, dễ bị xói lở, thay đổi dòng chảy, thậm chí thay đổi hình dáng. Dân cư hai bên đường biên giới tập trung ở khu vực này tương đối đông. Sông suối biên giới từ phía Bắc tỉnh Tây Ninh đến Kon Tum ít bị thay đổi dòng hơn, một số sông có tiềm năng thủy điện.

Các cồn, bãi trên sông suối biên giới không nhiều, tập trung ở sông suối biên giới thuộc các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Tây Ninh. Một số cồn, bãi có diện tích tương đối lớn và có giá trị kinh

tế; còn lại chủ yếu là bãi đá lúc chìm lúc nổi theo con nước, diện tích mỗi bãi chỉ khoảng vài chục đến vài trăm mét vuông, giá trị kinh tế thấp. Sông rạch biên giới thuộc các tỉnh Tây Nam Bộ (Long An, Đồng Tháp, An Giang) hầu như có rất ít cồn bãi nổi.

4. Đặc điểm khí hậu, thời tiết khu vực biên giới

Khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia thuộc vùng khí hậu nhiệt đới, gió mùa, độ ẩm cao. Khí hậu có hai mùa rõ rệt, mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 4 - 5 đến tháng 9 - 10 (dương lịch) tập trung tới 90% lượng mưa cả năm; mùa khô thường bắt đầu từ tháng 10 - 11 đến tháng 3 - 4 năm sau, có lượng mưa chỉ chiếm khoảng 10% tổng lượng nước mưa cả năm. Nhiệt độ trung bình hàng năm từ 26 - 27^0C, biên độ nhiệt độ hàng năm thường không quá 4 - 5^0C, một điểm đáng lưu ý là do ở gần xích đạo nên một số địa phương đã có dạng diễn biến của chế độ nhiệt tương tự như chế độ nhiệt của các địa phương ở vùng xích đạo.

5. Hệ thống giao thông và dân cư khu vực biên giới

Trong khu vực biên giới, ở các tỉnh miền núi, hệ thống đường sá chủ yếu là đường mòn, đi lại khó khăn nhất là ở các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước. Các tỉnh ở vùng đồng bằng có hệ thống đường sá tốt hơn và còn có thêm hệ thống kênh, rạch chằng chịt nên việc lưu thông, đi lại thuận lợi hơn.

Ở các tỉnh biên giới phía Việt Nam hiện nay có các loại đường bộ: Đường ASEAN, đường liên quốc gia, quốc lộ, tỉnh lộ, đường sông, đường tuần tra biên giới và nhiều đường mòn tạo nhiều thuận lợi cho việc qua lại trong nội địa nói chung và đi qua biên giới nói riêng. Một số đường bộ từ phía Việt Nam cắt qua biên giới sang Campuchia như: Quốc lộ 19 (Gia Lai), Quốc lộ 14 (Đắk Lắk), Quốc lộ 13 (Bình Phước), Quốc lộ 22A và 22B (Tây Ninh), Quốc lộ 91 (An Giang), Quốc lộ 80 (Kiên Giang).

Dân cư ở khu vực biên giới (phía Việt Nam) phân bố không đều. Mật độ dân cư ở các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước và phía Bắc tỉnh Tây Ninh khá thưa thớt, nhất là ở các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và Đắc Nông nhiều địa bàn kéo dài dọc theo biên giới không có dân (trung bình từ 1 đến 26 người/km^2); ở các tỉnh còn lại thì mật độ dân cư đông đúc hơn (Long An khoảng 290 người/km^2, Đồng Tháp khoảng 400 người/km^2)[5] nhưng cũng phân bố không đều, tập trung rất đông dọc bờ các con sông lớn và những nơi đất cao, ruộng đất phì nhiêu.

6. Cửa khẩu biên giới

Theo Điều 12 Hiệp định về Quy chế biên giới giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Campuchia ký ngày 20/7/1983, hai nước đã thoả thuận mở 8 cửa khẩu đường bộ và đường sông:

5. Cập nhật số liệu năm 2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường

Lệ Thanh (Việt Nam) - Đường số 19 - Andong Pech (Campuchia).[6]

Bu Prăng (Việt Nam) - Đường số 14 - Ô Reng (Campuchia).

Bo Nuê (Việt Nam) - Đường số 13 - Xnun (Campuchia).[7]

Xa Mát (Việt Nam) - Đường số 22B, số 7 - Trapeang Phlong (Campuchia).

Mộc Bài (Việt Nam) - Đường số 22A, số 1 - Bavet (Campuchia).

Tịnh Biên (Việt Nam) - Đường số 2 - Phnom Den - Takeo (Campuchia).

Xà Xía (Việt Nam) - Đường số 17 - Lốc - Kampot (Campuchia).[8]

Vĩnh Xương - Thường Phước (Việt Nam) - sông Cửu Long - Sông Tiền, sông Mê Công - Kaam Samnor - Cốcrôca (Campuchia).

Để đáp ứng nhu cầu giao lưu, hợp tác qua biên giới, hệ thống cửa khẩu trên biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia đến nay đã được mở rộng và phát triển mạnh mẽ. Hiện nay, qua khảo sát thực tế, trên toàn tuyến có 41 cặp cửa khẩu (10 cặp cửa khẩu quốc tế,

6. Nay là cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh - Oyadav
7. Nay là cửa khẩu quốc tế Hoa Lư – Trapeang Sre
8. Nay là cửa khẩu quốc tế Hà Tiên – Prek Chak

11 cặp cửa khẩu chính và 20 cặp cửa khẩu phụ) đang hoạt động. Ít hơn so với Quyết định số 1490/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy hoạch hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia đến năm 2020 do nhiều lý do, trong đó do công tác điều tra, nghiên cứu lập Quy hoạch chưa sát với thực tế, chưa đánh giá đúng tiềm năng và nhu cầu phát triển của từng địa phương, từng vùng; công tác triển khai Quy hoạch chưa được đồng bộ do gặp khó khăn về kinh phí để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị; kết nối giao thông đến các cửa khẩu gặp nhiều khó khăn; một số cửa khẩu phía Việt Nam có nhu cầu mở nhưng phía Campuchia không có nhu cầu mở và ngược lại.

Để khắc phục tình trạng trên, hai bên đã thành lập Nhóm công tác hỗn hợp về cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia để trao đổi việc phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới giữa hai nước.

DANH SÁCH CÁC CỬA KHẨU ĐANG HOẠT ĐỘNG

1. CỬA KHẨU QUỐC TẾ

1	Lệ Thanh (Gia Lai)	Oyadav (Rattanakiri)
2	Hoa Lư (Bình Phước)	Trapeang Sre (Kratié)
3	Xa Mát (Tây Ninh)	Trapeang Phlong (Tboung Khmum)
4	Mộc Bài (Tây Ninh)	Bavet (Svay Rieng)
5	Bình Hiệp (Long An)	Pray Vo (Svay Rieng)
6	Dinh Bà (Đồng Tháp)	Bontia Chak Cray (Prey Veng)
7	Thường Phước (Đồng Tháp)	Koh Rokar (Prey Veng), đường sông
8	Vĩnh Xương (An Giang)	Kaam Samnor (Kandal), đường sông
9	Tịnh Biên (An Giang)	Phnom Den (Takeo)
10	Hà Tiên (Kiên Giang)	Prek Chak (Kampot)

2. CỬA KHẨU CHÍNH

1	Bu Prăng (Đắk Nông)	Đắc Đam (Mondulkiri)
2	Đắk Peur (Đắk Nông)	Bu Sara (Mondulkiri)
3	Hoàng Diệu (Bình Phước)	Lapakhê (Mondulkiri)
4	Mỹ Quý Tây (Long An)	Xòm Rông (Svay Rieng)
5	Khánh Bình (An Giang)	Chrây Thum (Kandal)
6	Phước Tân (Tây Ninh)	Bố Môn (Svay Rieng)
7	Vĩnh Hội Đông (An Giang)	Kom Pung Kroxăng (Takeo), đường sông
8	Giang Thành (Kiên Giang)	Ton Hon (Kampot)
9	Lộc Thịnh (Bình Phước)	Tôn Lé Cham (Tboung Khmum)
10	Kà Tum (Tây Ninh)	Chăn Mun (Tboung Khmum)
11	Chàng Riệc (Tây Ninh)	Đa (Tboung Khmum)

3. CỬA KHẨU PHỤ

1	Tân Tiến (Bình Phước)	Chay Khleng (Kratié)
2	Vạc Sa (Tây Ninh)	Phum Soty (Tboung Khmum)
3	Cây Gõ (Tây Ninh)	Bos Chếk (Tboung Khmum)
4	Tân Phú (Tây Ninh)	Kọ (Tboung Khmum)
5	Tống Lê Chân (Tây Ninh)	Sa Tum (Tboung Khmum)
6	Vàm Trảng Trâu (Tây Ninh)	Đôn (Svay Rieng)
7	Tà Nông (Tây Ninh)	Kom Pông Th'Nuông (Svay Rieng)
8	Long Phước (Tây Ninh)	Tà Y (Svay Rieng)
9	Long Thuận (Tây Ninh)	Kompông S'Piên (Svay Rieng)
10	Phước Chỉ (Tây Ninh)	Brasát (Svay Rieng)
11	Tân Nam (Tây Ninh)	Mơn Chây (Prey Veng)
12	Cây Me (Tây Ninh)	Phum Thonoúk (Prey Veng)

13	Long Khốt (Long An)	Xòm Dông (Svay Rieng)
14	Tân Hưng (Long An)	Cơ Rúa (Svay Rieng)
15	Bá Nguyên (Đồng Tháp)	Koos Xâm Pư (Prey Veng) (Sở Thượng)
16	Mộc Rá (Đồng Tháp)	Koos Xâm Pư (Prey Veng)
17	Á Đôn (Đồng Tháp)	Gò Đồn (Prey Veng)
18	Bình Phú (Đồng Tháp)	Bon Tia Chăc Crây (Prey Veng)
19	Thông Bình (Đồng Tháp)	Pèm Tia (Prey Veng)
20	Bắc Đai (An Giang)	Bắc Đai (Takeo)

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH ĐƯỜNG BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CAMPUCHIA

1. Biên giới Nam Kỳ - Campuchia

Sau khi hoàn tất việc xâm chiếm Đông Dương, năm 1887 chính quyền thực dân Pháp thành lập Liên bang Đông Dương gồm xứ thuộc địa Nam Kỳ và 4 xứ bảo hộ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Ailao và Cao Miên. Trên cơ sở hiện trạng ranh giới lịch sử tập quán đã hình thành từ lâu đời giữa Việt Nam với Lào và giữa Việt Nam với Campuchia, chính quyền thực dân Pháp đã đàm phán, ký kết Hiệp ước biên giới với Trung Quốc và Thái Lan để xác lập đường ranh giới chính thức của xứ Đông Dương thuộc Pháp trong thời cận đại. Chính quyền thực dân Pháp cũng đã ấn định đường biên giới hành chính giữa các xứ trong Đông Dương thuộc Pháp căn cứ theo ranh giới tập quán hình thành từ lâu trong lịch sử. Quá trình phân định các ranh giới thường tiến hành bằng việc khảo sát thực tế (có khi dưới hình thức đi điều tra khi truyền giáo, chính thức cử các quan thanh tra để báo cáo tình hình hoặc lập các ủy ban song phương tiến hành nghiên cứu thực địa để kiến nghị việc phân định ranh giới...); các thoả thuận hoặc ký kết về ranh giới lãnh thổ được tiến hành đúng quy định trong pháp luật đương thời của nước Cộng hòa Pháp, việc tiến hành cắm mốc giới trên đường biên giới, kiểm tra biên giới trên thực địa

cũng như những điều chỉnh sửa đổi trên biên giới đều được tiến hành theo một trình tự pháp lý đúng với quy định pháp luật của nước Pháp.

Riêng ranh giới giữa Nam Kỳ và Cao Miên được chính quyền Pháp quan tâm hơn. Vì Nam Kỳ là thuộc địa, là "lãnh thổ hải ngoại" của Cộng hòa Pháp. Thực tế, trong khoảng thời gian từ năm 1858 đến 1867, Pháp đã hoàn thành việc chiếm đóng toàn bộ vùng châu thổ sông Mê Công ở Việt Nam và đã thành lập được sự bảo hộ đối với Cao Miên. Lúc này, các nhà chức trách Pháp nhận thấy cần phải ấn định dứt khoát ranh giới giữa Nam Kỳ và Cao Miên nhằm bảo vệ quyền sở hữu của họ ở Nam Kỳ, chống lại mọi sự xâm nhập của Xiêm do Anh chỉ huy.

Mở đầu việc quy định ranh giới giữa Nam Kỳ và Cao Miên là việc người Pháp không chấp nhận yêu cầu của vua Cao Miên là Ang Đương. Năm 1856, vua Ang Đương viết thư nhờ Pháp chiếm Nam Kỳ rồi trả lại cho Cao Miên, đổi lại Cao Miên xin thuần phục dưới sự bảo hộ của Pháp. Khi quân Pháp tiến đánh Nam Kỳ, Cao Miên đã đưa quân dẫn đường, phối hợp với quân Pháp đánh chiếm thành Tây Ninh. Nhưng sau khi chiếm được Nam Kỳ, người Pháp đã tiến hành điều đình với triều đình nhà Nguyễn, chứ không điều đình với triều đình Cao Miên. Điều này chứng tỏ người Pháp xác định theo lịch sử thì vùng đất Nam Kỳ lúc người Pháp đến là của Việt Nam, không phải là đất của Cao Miên.

Sau khi hoàn tất việc đặt Cao Miên dưới chế độ bảo hộ (1863) và Nam Kỳ dưới chế độ thuộc địa (1867), người Pháp đã thay mặt người Việt Nam (quy chế thực trị) thoả thuận với người Campuchia quy định ranh giới giữa Nam Kỳ và Cao Miên.

Ngày 16/3/1870, một Ủy ban Pháp - Cao Miên đã được thành lập để nghiên cứu và thực hiện phân vạch một đường ranh giới ở vùng Tây Ninh và Kampong Cham. Ủy ban này đã tiến hành phân vạch đường ranh giới trên thực địa, cắm được 19 cột mốc. Theo kết quả phân vạch, cắm mốc trên thực địa và đề nghị của Ủy ban được thành lập ngày 16/3/1870, do có sự khiếu nại của phía Campuchia, nên khi Thống đốc Nam Kỳ và Quốc vương Campuchia Norodom I cùng nhau ký Công ước (Convention) ngày 9/7/1870, hai bên chỉ xác nhận đoạn ranh giới từ cột mốc số 1 đến cột mốc số 15, hủy bỏ kết quả phân vạch cắm mốc đoạn biên giới từ cột mốc số 16 đến cột mốc số 19.

Từ năm 1871, hai bên tiếp tục phân định ranh giới trên thực địa. Đến ngày 15/7/1873, Thống đốc Nam Kỳ và Quốc vương Campuchia Norodom I ký Thoả ước (Arrangement) ấn định vĩnh viễn ranh giới giữa Nam Kỳ thuộc Pháp và Cao Miên. Nội dung Thỏa ước khẳng định đã nghiên cứu kỹ các địa hình, địa vật rõ rệt, ổn định để tránh mọi sự tranh chấp về sau; ranh giới từ Tây Ninh đến bờ biển Hà Tiên được đánh dấu bằng các cột mốc giới trên đó có ghi chữ và được đánh

số thứ tự liên tục từ số 1 đến số 124, cột mốc số 1 đặt ở bờ rạch Chàm (Tây Ninh) và cột mốc số 124 đặt ở vị trí cách rạch Vĩnh Tế làng Hòa Thành (Hà Tiên) khoảng 1200 m. Việc thực hiện Thoả ước ngày 15/7/1873 do các ủy ban hỗn hợp tiến hành phân vạch và cắm mốc trên thực địa. Thành phần tham gia, nội dung công việc và nhiệm vụ của các ủy ban này đều do Thống đốc Nam Kỳ và Khâm sứ Cao Miên thoả thuận.

Từ năm 1872, một Ủy ban Pháp - Cao Miên đã được thành lập và tiến hành nghiên cứu để hoạch định đoạn biên giới từ cột mốc số 124 đến bờ biển Hà Tiên - Kampot. Kết quả hoạch định được ghi nhận tại các biên bản hoạch định ngày 23/01/1872 và ngày 5/4/1876. Đến năm 1888, đoạn biên giới này lại được điều chỉnh bởi biên bản hoạch định ngày 28/11/1888 và biên bản của Ủy ban chuyển đường biên giới thực địa ngày 15/6/1896.

Đối với đoạn biên giới giữa Nam Kỳ và Cao Miên, do có những phát sinh trong quá trình quản lý thực tế sau này đã có những điều chỉnh một số điểm so với Công ước ngày 9/7/1870 và Thoả ước ngày 15/7/1873, nhưng đều được giải thích rõ lý do nhằm phù hợp với sự quản lý thực tế ở các địa phương hoặc để tạo thuận lợi cho việc quản lý hành chính thì điều chỉnh có sự bù trừ.

Ngày 17/10/1887, Toàn quyền Đông Dương được Tổng thống Cộng hòa Pháp ủy quyền quyết

định mọi việc chuyển đổi lãnh thổ trong các xứ Đông Dương thuộc Pháp. Theo đó, Toàn quyền Đông Dương đã ban hành một số nghị định về điều chỉnh biên giới như sau:

- Nghị định ngày 10/12/1898: điều chỉnh đoạn biên giới giữa Tây Ninh và Svay Rieng.

- Nghị định ngày 20/3/1899: điều chỉnh đoạn biên giới từ cột mốc số 41 đến cột mốc số 50.

- Nghị định ngày 31/7/1914: điều chỉnh các đoạn biên giới giữa tỉnh Hà Tiên và Kampot, giữa tỉnh Tây Ninh và Prey Veng, giữa tỉnh Thủ Dầu Một và Kampong Cham.

- Nghị định ngày 6/12/1935: điều chỉnh đoạn biên giới giữa sông Mê Công và sông Bassac (Châu Đốc và Kandal) từ cột mốc số 84 đến cột mốc số 88.

- Nghị định ngày 11/12/1936: điều chỉnh đoạn biên giới từ cột mốc số 80 đến cột mốc số 83 (đoạn sông Mê Công đến sông Sở Thượng).

- Nghị định ngày 26/7/1942: sửa đổi đoạn ranh giới từ cột mốc số 89 đến cột mốc số 94 (khu vực Bình Ghi - Khánh Hòa giữa Kandal và Châu Đốc).

2. Biên giới Trung Kỳ - Campuchia

Đối với đoạn ranh giới giữa Trung Kỳ và Cao Miên, chỉ có 2 văn bản quy định ranh giới (nghị định ngày 6/12/1904 và ngày 4/7/1905 của Toàn quyền

Đông Dương). Riêng đoạn biên giới dọc theo sông Dakdam thuộc tỉnh Đắk Lắk và một đoạn ngắn theo sông Sê San thuộc Pleiku (tỉnh Gia Lai ngày nay) được xác định bởi nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 30/3/1932 và ngày 4/3/1933 (quy định về ranh giới hành chính phía Tây của các tỉnh đó theo suối Dakdam và sông Sê San). Ranh giới giữa Trung Kỳ và Cao Miên chưa được phân vạch cắm mốc trên thực địa.

Cho đến trước khi Pháp rút khỏi Đông Dương (1954), toàn bộ đường biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia đã được thể hiện tương đối đầy đủ trên bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 do Sở Địa dư Đông Dương xuất bản.

TIẾN TRÌNH ĐÀM PHÁN GIẢI QUYẾT BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CAMPUCHIA

Lễ ký Hiệp ước Hoạch định biên giới quốc gia giữa Việt Nam - Campuchia, ngày 27/12/1985. (Nguồn: UBBGQG)

1. Thời kỳ từ năm 1954 - 1979

Trong giai đoạn từ sau năm 1954 đến 1979, tình hình chính trị nội bộ Campuchia có nhiều chính quyền thay thế nhau (Sihanouk, Lon Nol, Pol Pot), dẫn đến quan hệ Campuchia - Việt Nam trong giai đoạn này rất phức tạp, có sự hợp tác (rất hạn chế) nhưng chủ yếu là đối địch, thậm chí đã xảy ra chiến tranh biên giới. Do vậy, mặc dù hai bên đã cùng nhau tiến hành một số đợt đàm phán, bước đầu đã đạt được nhận thức chung về nguyên tắc giải quyết biên giới, nhưng không ký kết được văn kiện pháp lý nào về giải quyết vấn đề biên giới. Sau đây là một số sự kiện chính:

- Từ năm 1960 đến 1962, Chính phủ Vương quốc Campuchia đã 3 lần cùng với chính quyền Sài Gòn (Việt Nam Cộng hòa) đàm phán về ranh giới giữa miền Nam Việt Nam và Campuchia và vấn đề chủ quyền các đảo trong vịnh Thái Lan, cũng như để cải thiện quan hệ giữa hai bên. Nhưng các cuộc thương lượng đó không đạt được kết quả.

- Năm 1962, Quốc vương Norodom Sihanouk đề nghị Liên hợp quốc triệu tập một hội nghị quốc tế để công nhận độc lập, trung lập và toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và một số nước khác ủng hộ, nhưng Mỹ và Việt Nam Cộng hòa không tán thành.

- Tháng 3/1964, chính phủ Vương quốc Campuchia gửi cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa một bản dự thảo Nghị định thư về tuyên bố nền trung lập của Vương quốc Campuchia, tại Điều 1 của bản dự thảo viết: " *...Với Nam Việt Nam, biên giới ghi trên các bản đồ tỷ lệ 1/100.000 của Sở Địa dư Đông Dương thông dụng trước các Hiệp định Paris năm 1954 và về các đảo ven bờ trên bản đồ hải quân kèm theo ...*". Kèm theo bản dự thảo này có bộ bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000, thể hiện toàn bộ đường biên giới trên đất liền giữa hai nước, nhưng cạo sửa tại 9 điểm, chỗ lớn nhất lấn sang lãnh thổ Việt Nam khoảng 50 km^2, và kèm theo cả bản đồ hải quân tỷ lệ 1/200.000, trên đó vẽ đường ranh giới trên biển là

đường Brevié, vẽ quần đảo Thổ Chu và một số đảo khác của Việt Nam ở phía Nam đường Brevié là của Campuchia. Phía Việt Nam đã không đáp ứng đề nghị vô lý đó của Campuchia.

- Ngày 20/6/1964, Quốc vương Norodom Sihanouk gửi công hàm cho Chủ tịch Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam Nguyễn Hữu Thọ, đề nghị được gặp Chủ tịch và nói rõ: "*Chúng tôi từ bỏ mọi yêu sách lãnh thổ để đổi lấy một sự công nhận dứt khoát đường biên giới hiện tại và chủ quyền của chúng tôi đối với các đảo ven bờ của chúng tôi mà chính phủ Sài Gòn đòi không trên cơ sở pháp lý nào*". Ngày 18/8/1964, Quốc vương Norodom Sihanouk lại gửi một công hàm cho Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ, khẳng định: "*Về phần mình, Campuchia chỉ yêu cầu công nhận đường biên giới hiện tại trên đất liền của mình như nó được thể hiện trên các bản đồ thông dụng năm 1954, và sự công nhận chủ quyền của Campuchia đối với các đảo ven bờ mà chế độ Sài Gòn đòi hỏi không có một lý lẽ nào*".

- Ngày 29/9/1964, nhân dịp sang Bắc Kinh dự Lễ kỷ niệm 15 năm ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Thủ tướng Phạm Văn Đồng có gặp Quốc vương Norodom Sihanouk. Quốc vương Norodom Sihanouk đề nghị Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công nhận đường biên giới hiện tại của Campuchia với miền Nam Việt Nam. Thủ tướng Phạm Văn Đồng

nói: *"Việt Nam Dân chủ cộng hòa không thể ký trực tiếp về biên giới với Campuchia vì không có biên giới chung, nếu Campuchia và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam có thoả thuận gì về vấn đề này thì Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng công nhận sự thoả thuận đó"*.

- Tháng 10/1964, tại Bắc Kinh, Đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam do ông Nguyễn Văn Hiếu là đại diện thường trú Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tại Bắc Kinh dẫn đầu và Đoàn Vương quốc Campuchia do ông Trương Cang là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Campuchia tại Bắc Kinh dẫn đầu, đã họp bàn về vấn đề biên giới giữa miền Nam Việt Nam và Campuchia. Hai bên đã thoả thuận lấy đường biên giới trên bản đồ của Sở Địa dư Đông Dương tỷ lệ 1/100.000 và giải quyết các đảo theo đường Brevié, nhưng cuối cùng không ký kết được văn bản chung vì phía Campuchia cho rằng ông Nguyễn Văn Hiếu không có giấy ủy nhiệm có chữ ký của Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ và dấu của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

- Đầu tháng 12/1964, cuộc họp ba bên diễn ra ở Bắc Kinh. Đoàn Campuchia do Đại sứ Trương Cang dẫn đầu, Đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam do ông Nguyễn Văn Hiếu dẫn đầu, Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Đại sứ Trần Tử Bình dẫn đầu. Trên thực tế, chỉ có một lần Đoàn

Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam họp với Đoàn Vương quốc Campuchia, ngoài ra không có cuộc gặp nào khác mặc dù có những tiếp xúc tay đôi ở hành lang ngoài phòng họp. Lần này, ngay từ đầu cuộc gặp đã vấp phải 2 vấn đề do phía Campuchia nêu: (i) Đề nghị phải ký ba bên và ở cấp cao nhất, coi đó là một điều kiện tiên quyết. Do đề nghị này mà các cuộc trao đổi tay đôi không chính thức chỉ xoay quanh các vấn đề: họp hai bên hay ba bên, hình thức ký kết thế nào và ký kết ở đâu; (ii) Ngoài vấn đề biên giới, phía Campuchia đề nghị ghi thêm hai vấn đề vào chương trình nghị sự là vấn đề người Khmer Krom và vấn đề thừa kế Hiệp định Paris năm 1954 về giải thể Liên bang Đông Dương. Cuộc họp cũng phải dừng lại và không đạt được kết quả.

- Đàm phán về biên giới tiếp tục được nối lại giữa Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Vương quốc Campuchia tại Phnom Penh từ ngày 15/8/1966 đến 17/9/1966. Đoàn Campuchia do ông Son San dẫn đầu, Đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam do ông Trần Bửu Kiếm dẫn đầu. Ngoài vấn đề biên giới như đã nêu ra trước đây, phía Campuchia nêu thêm 2 vấn đề mới: (i) Về con người, yêu cầu xác nhận quy chế cho người Khmer Krom như Pháp đã thừa nhận trước đây; (ii) Về tài sản, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam thừa kế tài sản do thực dân Pháp để lại thì sẽ tất nhiên là người

thừa kế Hiệp định Paris năm 1954. Riêng về vấn đề biên giới, phía Campuchia thừa nhận theo nguyên tắc Uti possidetis (nguyên tắc kế thừa đường biên giới lịch sử) nhưng lại đề ra 3 nguyên tắc để điều chỉnh đường biên giới hiện tại (theo văn bản cũ, theo dân cư trú lâu đời và sông suối biên giới là sông suối chung). Hai bên đã tiến hành 7 vòng họp, nhưng không ký kết được văn bản chung về vấn đề biên giới.

- Ngày 9/5/1967, Chính phủ Vương quốc Campuchia có công hàm kêu gọi các nước trên thế giới tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia trong biên giới hiện tại. Đáp ứng lời kêu gọi đó, ngày 31/5/1967, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra tuyên bố trịnh trọng: (i) Lập trường trước sau như một của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là công nhận và cam kết tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia trong biên giới hiện tại; (ii) Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam công nhận và cam kết tôn trọng biên giới hiện tại giữa miền Nam Việt Nam và Campuchia; (iii) Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam cực lực lên án âm mưu và hành động xâm lược của đế quốc Mỹ và bọn tay sai miền Nam Việt Nam và Thái Lan chống Vương quốc Campuchia, kiên quyết phản đối mưu toan của họ sửa đổi biên giới hiện tại của Vương quốc Campuchia. Ngày 6/6/1967, Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ đã chính thức chuyển tuyên bố trên cho Quốc vương Norodom Sihanouk.

- Ngày 8/6/1967, Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa tuyên bố: (i) Công nhận và cam kết tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ của Campuchia trong biên giới hiện tại; (ii) Hoàn toàn tán thành tuyên bố ngày 31/5/1967 của Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam công nhận biên giới hiện tại giữa miền Nam Việt Nam và Campuchia. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công nhận và tôn trọng biên giới đó.

- Ngày 18/3/1970, Lon Nol đảo chính, lật đổ chế độ Sihanouk, lập nên chế độ Cộng hòa thân Mỹ ở Campuchia. Trong thời kỳ Lon Nol cầm quyền, đã có 02 lần gặp chính quyền Sài Gòn trao đổi về vấn đề biên giới, nhưng không đạt được kết quả gì. Tuy vậy, chính quyền Sài Gòn và chính quyền Phnom Penh đã nhất trí vạch một đường tuần tra trên biển để tránh sự đụng độ giữa các lực lượng tuần tra của hai bên, đường này không phù hợp với đường Brevié.

- Khi Pol Pot lên nắm quyền lãnh đạo ở Campuchia, vấn đề biên giới Việt Nam - Campuchia có những diễn biến phức tạp và ngày càng nghiêm trọng. Phía Campuchia liên tiếp gây ra những sự kiện vi phạm lãnh thổ của Việt Nam cả trên biên giới đất liền và trên biển. Tháng 6/1975, Việt Nam và Campuchia đã có cuộc họp cấp cao tại Hà Nội thoả thuận họp trù bị tại Phnom Penh trước khi đi vào bàn bạc chính thức vấn đề biên giới giữa hai nước. Cuộc họp trù bị

đã được tiến hành từ ngày 4/5/1976, hai bên đã trao đổi trên cơ sở những thoả thuận đã đạt được trong các cuộc họp trước đây về vấn đề biên giới, nhưng đến ngày 18/5/1976, phía Campuchia tuyên bố tạm dừng cuộc họp, không nêu lý do. Tiếp đó, các xung đột ở biên giới do Campuchia gây ra ngày càng nghiêm trọng hơn và cuối cùng đã trở thành một cuộc chiến tranh biên giới vào cuối năm 1978. Ngày 07/01/1979, chế độ diệt chủng của tập đoàn Pol Pot - Ieng Sary ở Campuchia đã bị lật đổ. Nước Cộng hòa nhân dân Campuchia được thành lập, mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ Việt Nam - Campuchia.

2. Thời kỳ từ năm 1979 - 1999

Ngày 18/02/1979, đại diện hai nước Việt Nam và Campuchia đã ký *"Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Campuchia"*, trong đó thỏa thuận "*Hai bên cam kết sẽ giải quyết bằng thương lượng hòa bình tất cả những bất đồng có thể nảy sinh trong quan hệ giữa hai nước. Hai bên sẽ đàm phán để ký một hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước trên cơ sở đường biên giới hiện tại, quyết tâm xây dựng đường biên giới này thành một biên giới hòa bình, hữu nghị lâu dài giữa hai nước*". (Điều 4)

Thực hiện điều khoản nêu trên, từ sau năm 1980, Việt Nam và Campuchia đã cùng nhau đàm phán,

thương lượng về vấn đề biên giới giữa hai nước và chính thức ký kết 06 văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia.

2.1. Ngày 20/7/1983, ký "*Hiệp ước về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Campuchia*" và "*Hiệp định về quy chế biên giới quốc gia giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Campuchia*". Hai văn kiện này đã được phê chuẩn và có hiệu lực từ ngày 27/9/1983.

Hiệp ước nguyên tắc năm 1983 có 4 điều, gồm những nội dung chính sau:

- Trên đất liền, hai bên coi biên giới hiện tại giữa hai nước được thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/100.000 của Sở Địa dư Đông Dương, thông dụng trước năm 1954 hoặc gần năm 1954 nhất (kèm theo 26 mảnh bản đồ được hai bên xác nhận) là đường biên giới quốc gia giữa hai nước. Ở những nơi nào đường biên giới chưa được vẽ trên bản đồ, hoặc hai bên đều thấy chưa hợp lý thì hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, vì lợi ích của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Campuchia, phù hợp với luật pháp quốc tế và thực tiễn quốc tế. (Điều 1)

- Hai bên sẽ thương lượng vào thời gian thích hợp để hoạch định đường biên giới trên biển giữa hai nước trong vùng nước lịch sử đã được hai bên thoả thuận theo tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn

nhau, vì lợi ích của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Campuchia, phù hợp với luật pháp quốc tế và thực tiễn quốc tế. (Điều 2)

- Hai bên sẽ thành lập Ủy ban liên hợp gồm số đại biểu bằng nhau của mỗi bên để hoạch định đường biên giới đất liền và đường biên giới trên biển theo Điều 1 và Điều 2 của Hiệp ước này, soạn thảo hiệp ước về hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước. (Điều 3)

- Quy định Hiệp ước này sẽ được phê chuẩn và có hiệu lực kể từ ngày trao đổi văn kiện phê chuẩn. Hiệp ước này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Hiệp ước về hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước nói ở Điều 3 trên đây có hiệu lực. (Điều 4)

Hiệp định về quy chế biên giới năm 1983 gồm có 19 điều, ngoài việc tái khẳng định những nguyên tắc điều chỉnh mối quan hệ giữa hai nước, đã thoả thuận những biện pháp tạm thời nhằm duy trì việc quản lý biên giới, trong khi đường biên giới giữa hai nước chưa được phân giới, cắm mốc rõ ràng. Cụ thể là:

- Hai bên cùng tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; hợp tác quản lý, bảo vệ đường biên, mốc giới, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quan hệ biên giới bằng biện pháp hòa bình.

- Hai bên giải quyết vấn đề qua lại giữa hai quốc

gia, giữa các địa phương và việc qua lại của cư dân biên giới; giao thông đường bộ, đường thủy giữa hai nước và các vấn đề khác liên quan trên cơ sở tôn trọng lợi ích chính đáng của các bên và quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân hai bên trong khu vực biên giới.

- Hai bên cùng hợp tác phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; hợp tác khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, môi trường ở khu vực biên giới v.v...

Từ năm 1983 đến nay, quan hệ giữa hai bên trong khu vực biên giới cơ bản được thực hiện phù hợp với các quy định của Hiệp định về quy chế biên giới năm 1983. Hiệp định là công cụ hữu hiệu để chính phủ hai nước và các tỉnh biên giới phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác trong suốt thời gian qua.

2.2. Ngày 27/12/1985, ký "*Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Campuchia*". Hiệp ước đã được phê chuẩn và có hiệu lực từ ngày 22/02/1986. Nội dung chính của **Hiệp ước hoạch định năm 1985** được thể hiện ở 5 điều:

- Căn cứ vào Điều 1 của Hiệp ước nguyên tắc năm 1983 và các Biên bản giữa đoàn đại biểu Chính phủ hai nước trong Ủy ban liên hợp hoạch định biên giới Việt Nam - Campuchia ký ngày 13/7/1984 và 08/12/1984, hai bên đã thoả thuận hoạch định đường

biên giới quốc gia trên đất liền giữa hai nước với miêu tả chi tiết theo bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000. Trong văn bản Hiệp ước ghi rõ hai bộ bản đồ đính kèm Hiệp ước hoạch định năm 1985 là bộ 26 mảnh bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 và bộ 40 mảnh bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000 đều có giá trị như nhau. (Điều 1)

- Quy định các vấn đề liên quan đến sông, suối, kênh rạch biên giới theo nguyên tắc sông suối biên giới dù có đổi dòng, đường biên giới vẫn giữ nguyên; những cù lao, bãi bồi dọc sông, suối biên giới ở phía bên nào sẽ thuộc bên đó; đối với các cầu biên giới, đường biên giới đi chính giữa cầu, không kể đường biên giới đi dưới sông, suối rạch đó như thế nào. (Điều 2)

- Điều 3 đề cập đến việc giải quyết biên giới trên biển; tuy nhiên, Hiệp ước chỉ nêu nguyên tắc chung là lấy căn cứ theo bản đồ của Pháp do cơ quan Đo đạc thủy văn Pháp in năm 1955 và 1956 tỷ lệ 1/182.650 để nghiên cứu giải quyết.

- Thoả thuận thành lập Ủy ban liên hợp phân giới trên thực địa và cắm mốc quốc giới giữa hai nước và nêu rõ nhiệm vụ của Ủy ban liên hợp này. Sau khi hoàn thành việc phân giới trên thực địa và cắm mốc quốc giới sẽ làm Nghị định thư cuối cùng (Điều 4).

- Quy định rõ điều khoản thi hành, theo đó hai bên sẽ trao đổi văn kiện phê chuẩn và Hiệp ước hoạch

định năm 1985 có hiệu lực kể từ ngày trao đổi văn kiện phê chuẩn (Điều 5).

Thực hiện Điều 4 Hiệp ước hoạch định năm 1985, hai bên đã thành lập Ủy ban liên hợp phân giới, cắm mốc biên giới Việt Nam - Campuchia để tiến hành phân giới, cắm mốc toàn bộ đường biên giới với tổng số 322 cột mốc dự kiến sẽ được cắm. Từ năm 1986 đến 1988, Ủy ban liên hợp đã phân giới được hơn 200/1137 km đường biên giới và cắm được 72/322 mốc giới ở các cặp tỉnh Tây Ninh - Svay Rieng, Long An - Svay Rieng và Đồng Tháp - Prey Veng. Đến năm 1989, theo đề nghị của Campuchia, công tác phân giới, cắm mốc tạm dừng.

Từ năm 1989 - 1998, hai bên không tiến hành bất cứ cuộc đàm phán nào về vấn đề biên giới, lãnh thổ.

Nhân chuyến thăm làm việc tại Việt Nam của Hoàng thân Norodom Ranariddh, hai bên đã ra Thông cáo báo chí chung. Tại điểm 8 của Thông cáo báo chí ngày 17/01/1995, *"hai bên khẳng định lại lòng mong muốn xây dựng đường biên giới giữa hai nước thành đường biên giới hòa bình, hữu nghị và ổn định lâu dài, góp phần phát triển quan hệ hợp tác láng giềng tốt giữa hai nước. Hai bên thoả thuận trong khi chờ đợi giải quyết những vấn đề còn tồn tại về biên giới thì duy trì sự quản lý hiện nay; không thay đổi, xê dịch các cột mốc biên giới; giáo dục không để nhân*

dân xâm canh, xâm cư và cùng nhau hợp tác giữ gìn an ninh, trật tự biên giới".

Ngày 01/6/1998, nhân dịp chuyến thăm hữu nghị chính thức Việt Nam, Thủ tướng thứ nhất Chính phủ Hoàng gia Campuchia Ung Hout và Thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam Phan Văn Khải đã ký Tuyên bố chung Việt Nam - Campuchia, trong đó đã thoả thuận *"về vấn đề biên giới, hai bên bày tỏ lòng mong muốn xây dựng đường biên giới chung hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Hai bên khẳng định tiếp tục tôn trọng các Hiệp ước, Hiệp định về biên giới trên bộ và trên biển mà hai bên đã ký trong những năm 1982, 1983 và 1985" và "nhất trí tiến hành các cuộc họp giữa hai bên để tiếp tục giải quyết các vấn đề tồn tại giữa biên giới hai nước"*. Đây chính là nguyên tắc chỉ đạo của cấp cao hai nước, làm cơ sở để Việt Nam và Campuchia nối lại đàm phán về biên giới.

3. Thời kỳ từ năm 1999 đến nay

Thực hiện Tuyên bố chung Việt Nam - Campuchia ngày 01/6/1998, từ năm 1999 đến năm 2001, Việt Nam - Campuchia đã chính thức nối lại các cuộc đàm phán về biên giới.

Từ đầu năm 2002, đàm phán về biên giới giữa hai nước tạm thời bị gián đoạn do phía Campuchia tập trung chuẩn bị cho Tổng tuyển cử.

Từ tháng 3 đến tháng 9/2005, Việt Nam và Campuchia nối lại đàm phán cấp Ủy ban Liên hợp biên giới hai nước, thống nhất về nội dung Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định năm 1985.

Ngày 10/10/2005, tại Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ Hoàng gia Campuchia Hun Sen và Thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam Phan Văn Khải đã ký *"Hiệp ước giữa nước CHXHCN Việt Nam và Vương quốc Campuchia bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985" (gọi tắt là Hiệp ước bổ sung năm 2005).* Hiệp ước đã được phê chuẩn và có hiệu lực từ ngày 6/12/2005.

Hiệp ước bổ sung năm 2005 có phần mở đầu và 6 điều khoản, gồm những nội dung chính như sau:

- Khẳng định giá trị của Hiệp ước hoạch định năm 1985, coi Hiệp ước này chỉ là Hiệp ước bổ sung của Hiệp ước hoạch định năm 1985. Điều 3 mục 4 và Điều 4 mục 1 khẳng định quyết tâm của Việt Nam và Campuchia là "sớm kết thúc tiến trình phân giới và cắm mốc" và quy định hai bên thông qua kế hoạch tổng thể về phân giới, cắm mốc trước cuối năm 2005, phấn đấu hoàn thành công việc này vào trước tháng 12 năm 2008.

- Áp dụng các nguyên tắc và thực tiễn quốc tế về biên giới theo sông suối để hoạch định đường biên giới sông suối trên toàn tuyến biên giới đất liền giữa

hai nước, khác với Hiệp ước hoạch định năm 1985 giữ nguyên biên giới sông suối như thể hiện trên bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 (trên bản đồ Bonne, biên giới được thể hiện trên bờ sông suối của bên này hoặc bên kia). Theo nguyên tắc này, đối với những đoạn sông suối biên giới tàu thuyền không đi lại được, đường biên giới đi theo trung tuyến của dòng chảy chính; đối với những đoạn sông suối biên giới tàu thuyền đi lại được, đường biên giới đi theo trung tuyến của luồng chính tàu thuyền đi lại được; trong trường hợp nảy sinh khó khăn trong việc áp dụng các quy định nêu trên, hai bên sẽ trao đổi hữu nghị nhằm tìm ra một giải pháp mà hai bên có thể chấp nhận được.

- Điều chỉnh hướng đi của đường biên giới ghi trong Điều 1 của Hiệp ước hoạch định năm 1985 ở sáu (06) đoạn biên giới trên cơ sở áp dụng 3 yếu tố: các căn cứ pháp lý mà chính quyền thực dân đã sử dụng để vạch đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia; thực trạng quản lý và chiếm hữu thực sự của dân cư qua nhiều thế hệ; các đặc trưng địa hình.

- Để tạo điều kiện kỹ thuật thuận lợi cho quá trình phân giới, cắm mốc đường biên giới trên đất liền, hai bên thống nhất tự rà soát việc chuyển vẽ đường biên giới từ bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 sang bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000 đính kèm Hiệp ước hoạch định năm 1985. Đối với những khu vực mà hai bên không nhất trí được về kết quả đối chiếu cũng như giải pháp

kỹ thuật thì đường biên giới tại các khu vực đó sẽ giữ nguyên như trên bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000.

- Giao cho Ủy ban liên hợp về biên giới hai nước những nhiệm vụ sau: Xây dựng kế hoạch tổng thể nhằm thực hiện lộ trình phân giới và cắm mốc đường biên giới chung trước cuối năm 2005; phân giới, cắm mốc toàn bộ đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia trên cơ sở Hiệp ước hoạch định năm 1985 và Hiệp ước bổ sung năm 2005; xây dựng bản đồ đường biên giới quốc gia giữa nước CHXHCN Việt Nam và Vương quốc Campuchia; soạn thảo Nghị định thư về phân giới, cắm mốc đường biên giới trên đất liền giữa hai nước.

- Một số vấn đề khác như: Việt Nam sẽ giúp Campuchia in mới 05 bộ 40 mảnh bản đồ nền UTM tỷ lệ 1/50.000; việc quản lý đường biên giới sẽ tiếp tục được thực hiện theo Thông cáo báo chí Việt Nam - Campuchia ký ngày 17/01/1995; nếu có sự khác biệt về giải thích và thực hiện Hiệp ước bổ sung năm 2005, hai bên sẽ giải quyết bằng các biện pháp hòa bình thông qua thảo luận và đàm phán.

Ý nghĩa quan trọng nhất của việc ký kết Hiệp ước bổ sung năm 2005 là Hiệp ước đã tái khẳng định giá trị hiệu lực của những hiệp ước, hiệp định biên giới Việt Nam và Campuchia đã ký kết trong những năm 80 thế kỷ XX, đặc biệt là Hiệp ước hoạch định năm 1985. Với kết quả này, quan hệ giữa hai nước,

đặc biệt là vấn đề biên giới, đã bước sang một trang sử mới; tiến trình đàm phán để tiến hành phân giới, cắm mốc đường biên giới trên thực địa được tiếp tục nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng đường biên giới Việt Nam - Campuchia thành đường biên giới hòa bình, ổn định, hợp tác, cùng phát triển.

Đối với quốc tế và khu vực, bằng việc ký kết Hiệp ước bổ sung năm 2005, hai bên đã thể hiện thiện chí của mình để giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ thông qua thương lượng hòa bình, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền và lợi ích hợp tác phát triển.

Ngay sau khi Hiệp ước bổ sung năm 2005 (có hiệu lực thi hành ngày 6/12/2005), Việt Nam và Campuchia đã tổ chức nhiều cuộc họp/làm việc song phương để triển khai Hiệp ước. Với nỗ lực của cả hai bên, tính đến tháng 12/2018 đã hoàn thành 84% khối lượng công tác phân giới, cắm mốc.

CÔNG TÁC PHÂN GIỚI, CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM – CAMPUCHIA

Lễ khánh thành cột mốc biên giới số 171 tại cửa khẩu quốc tế Mộc Bài - Bavet, ngày 27/9/2006. (Nguồn: UBBGQG)

1. Giai đoạn chuẩn bị

Thực hiện Điều 4 Hiệp ước bổ sung năm 2005, hai bên đã thành lập Ủy ban liên hợp phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia (Ủy ban liên hợp PGCM). Nhiệm vụ cụ thể của Ủy ban liên hợp PGCM là: *Ủy ban liên hợp PGCM phụ trách tổ chức thực hiện công tác phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia; đồng thời căn cứ Hiệp ước hoạch định năm 1985 và Hiệp ước bổ sung cùng bản đồ đính kèm Hiệp ước hoạch*

định năm 1985 và phụ lục Hiệp ước bổ sung năm 2005 xác định trên thực địa hướng đi của đường biên giới từ điểm ngã ba biên giới giữa nước CHXHCN Việt Nam, Vương quốc Campuchia và nước CHDCND Lào đến điểm mút đường biên giới trên bờ biển tiếp giáp giữa tỉnh Kiên Giang (Việt Nam) và Kampot (Campuchia) (khoản 1, Điều 2 Điều lệ Ủy ban liên hợp PGCM, ký ngày 22/12/2005).

Dưới Ủy ban liên hợp PGCM có các cơ chế giúp việc là: Tiểu ban Kỹ thuật liên hợp; Nhóm Chuyên gia kỹ thuật liên hợp; Tổ Nội nghiệp; Tổ chuyên gia kỹ thuật GPS; Nhóm Công tác đặc biệt; Lực lượng thường xuyên, trực tiếp hoạt động trên thực địa là các Đội phân giới, cắm mốc (hiện nay Việt Nam có 11 Đội; Campuchia có 07 Đội).

Ủy ban liên hợp PGCM đã trao đổi, thống nhất một loạt các văn bản pháp lý - kỹ thuật làm cơ sở cho quá trình triển khai công tác phân giới, cắm mốc trên thực địa cũng như giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình phân giới, cắm mốc, cụ thể là:

- Điều lệ Ủy ban liên hợp PGCM.

- Quy định về việc chuyển vẽ đường biên giới từ bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 đính kèm Hiệp ước hoạch định năm 1985 sang bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000.

- Kế hoạch tổng thể triển khai công tác phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia.

- Quy định chức năng và nhiệm vụ của Đội công tác phân giới, cắm mốc liên hợp Việt Nam - Campuchia.

- Quy định thủ tục xuất nhập cảnh và tạm trú đối với thành viên Đội công tác phân giới, cắm mốc liên hợp Việt Nam - Campuchia.

- Quy định chi tiết xác định vị trí mốc giới trên biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia.

- Quy định phương pháp xác định đường phân giới trên sông, suối, rạch biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia.

- Quy định về việc phân giới trên thực địa tuyến biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia.

- Kế hoạch phân giới biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia.

2. Triển khai công tác phân giới, cắm mốc

2.1. Các công việc mà Ủy ban liên hợp PGCM thực hiện theo Hiệp ước hoạch định năm 1985 và Hiệp ước bổ sung 2005

Sau khi hoàn tất công tác chuẩn bị, các cơ chế trong Ủy ban liên hợp PGCM đã tiến hành trao đổi, thực hiện các công việc sau:

- Tiến hành rà soát việc chuyển vẽ đường biên

giới từ bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 sang bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000.

- Thống nhất dự kiến sẽ cắm 314 vị trí, tương ứng với 371 cột mốc chính[9], 1069 vị trí tương ứng với 1512 cột mốc phụ và 221 cọc dấu bổ sung trên thực địa[10]; đồng thời tiến hành phân giới trên toàn tuyến với đầy đủ hồ sơ ghi nhận kết quả phân giới, cắm mốc gồm: (i) Biên bản cắm mốc; (ii) Bảng đăng ký cột mốc; (iii) Bảng tọa độ độ cao cột mốc; (iv) Bảng quy thuộc cồn bãi trên sông suối biên giới và (v) Biên bản mô tả hướng đi của đường biên giới.

- Phối hợp cùng thuê bên thứ ba (Công ty Blom Infor A/S của Đan Mạch) thành lập bộ bản đồ địa hình biên giới mới tỷ lệ 1/25.000 để đính kèm Nghị định thư ghi nhận kết quả phân giới, cắm mốc.

- Trao đổi xây dựng các văn kiện pháp lý ghi nhận thành quả phân giới, cắm mốc đã đạt được.

2.2. Tiến trình và kết quả phân giới, cắm mốc

a) Về công tác rà soát chuyển vẽ đường biên giới trên bản đồ: tới nay, qua 15 vòng họp của Tổ Nội nghiệp rà soát chuyển vẽ, hai bên đã thống nhất

9. Cột mốc chính gồm 3 loại: cột mốc đại có gắn quốc huy cắm ở cửa khẩu quốc tế (cột mốc loại A); cột mốc trung cắm ở cửa khẩu chính và những vị trí thông thường (cột mốc loại B); cột mốc đặc biệt cắm ở vùng ngập lụt (cột mốc loại C).

10. Số cột mốc nhiều hơn số vị trí mốc do có những vị trí phải xây dựng mốc đôi (gồm 2 cột mốc) hoặc mốc ba (gồm 3 cột mốc).

rà soát chuyển vẽ được khoảng 90% tổng chiều dài đường biên giới (khoảng hơn 1.000 km) 10% còn lại là các đoạn biên giới hai bên gặp nhiều khó khăn, mặc dù đã trao đổi, đàm phán nhiều lần nhưng chưa thống nhất được.

b) Từ năm 2006, hai bên tái khởi động công tác phân giới, cắm mốc ngoài thực địa theo quy định của Hiệp ước hoạch định năm 1985, Hiệp ước bổ sung năm 2005 và Kế hoạch tổng thể công tác phân giới, cắm mốc. Ngày 27/9/2006, hai bên đã long trọng tổ chức Lễ khánh thành cột mốc số 171 tại cặp cửa khẩu quốc tế Mộc Bài (Tây Ninh) - Bavet (Svay Rieng) với sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ hai nước. Đây là cột mốc đầu tiên được xây dựng sau thời gian tạm dừng tiến trình phân giới, cắm mốc giữa hai nước.

Công tác đo đạc PGCM trên thực địa.
(Nguồn: UBBGQG)

Tính tới thời điểm đầu tháng 12/2018, hai bên đã xác định và xây dựng được 315/371 cột mốc chính, trong đó có: cột mốc ở ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia, cột mốc có số hiệu cuối cùng 314 trên đường biên giới đất liền, các cột mốc đại có gắn quốc huy ở 10/10 cặp cửa khẩu quốc tế, các cột mốc ở hầu hết các cửa khẩu chính, ở nơi có đường giao thông lớn qua lại biên giới, khu vực đông dân cư....

Theo đề nghị của Thủ tướng Campuchia Hun Sen, Thủ tướng Chính phủ hai nước đã giao Ủy ban liên hợp PGCM trao đổi, thống nhất cắm bổ sung thêm hệ thống cột mốc phụ, cọc dấu giữa các cột mốc chính ở những nơi đã phân giới xong để làm rõ thêm hướng đi của đường biên giới. Từ năm 2015 đến cuối tháng 11/2018, hai bên đã tiến hành xác định và xây dựng được 1511 cột mốc phụ và 221 cọc dấu.

Về công tác phân giới và lập hồ sơ, tính đến tháng 8/2019, hai bên đã hoàn thành công tác phân giới trên thực địa và lập hồ sơ khoảng 1.045 km đường biên giới.

Căn cứ số lượng cột mốc chính đã cắm và số chiều dài đường biên giới đã phân giới được, công tác phân giới, cắm mốc đã đạt khoảng 84% khối lượng công việc.

Đồng chí Phạm Bình Minh, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao kiểm tra cột mốc số 314 biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia (tháng 4/2015). (Nguồn: UBBGQG)

c) Về việc lập bộ bản đồ địa hình biên giới mới tỷ lệ 1/25.000: Theo quy định của Hiệp ước bổ sung 2005[11], từ năm 2011 - 2012, hai bên đã thuê công ty Blom Infor A/S của Đan Mạch lập bộ bản đồ địa hình biên giới mới. Tuy nhiên, do chưa hoàn thành công tác phân giới, cắm mốc nên tới cuối năm 2012 công ty Blom Infor A/S mới chỉ hoàn thành bộ bản đồ địa hình chưa có đường biên giới.

Tháng 5/2018, hai bên tiếp tục thuê công ty Niras Mapping A/S (là công ty Blom Infor A/S trước đây) hoàn thiện bộ bản đồ gồm các công việc: (i) cập

11. Hai bên cần phối hợp thành lập bộ bản đồ địa hình biên giới mới để đính kèm Nghị định thư ghi nhận kết quả phân giới, cắm mốc.

nhật bản đồ[12]; (ii) thể hiện thành quả phân giới, cắm mốc lên bản đồ; và (iii) in bản đồ. Tháng 9/2019, công ty Niras Mapping A/S hoàn thành bộ bản đồ địa hình biên giới tỷ lệ 1/25.000 thể hiện đầy đủ, chi tiết đường biên, mốc giới theo kết quả phân giới, cắm mốc đã đạt được để đính kèm Nghị định thư phân giới, cắm mốc.

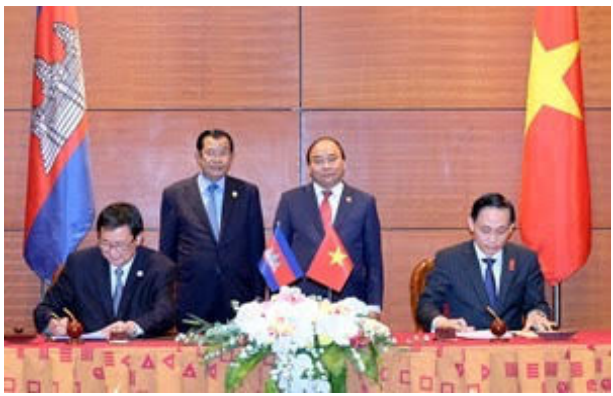

Lễ ký Biên bản của hai Chủ tịch Ủy ban Liên hợp PGCM biên giới trên đất liền Việt Nam – Campuchia về việc xây dựng và ký kết hai điều ước quốc tế để ghi nhận 84% thành quả PGCM đã đạt được (ngày 31/3/2018 tại Hà Nội).

(Nguồn: UBBGQG)

d) Từ tháng 3/2018, hai bên nhất trí xây dựng và ký kết 02 văn kiện pháp lý "Hiệp ước bổ sung Hiệp ước Hoạch định biên giới quốc gia năm 1985 và Hiệp ước bổ sung năm 2005 giữa nước CHXHCN

12. Do bản đồ được làm từ ảnh hàng không chụp năm 2011, tới nay trên thực địa đã có những thay đổi nên cần được cập nhật cho phù hợp.

Việt Nam và Vương quốc Campuchia" và "Nghị định thư PGCM biên giới trên đất liền giữa nước CHXHCN Việt Nam và Vương quốc Campuchia" để ghi nhận thành quả phân giới, cắm mốc đã đạt được. Ngày 5/10/2019, với nỗ lực chung của cả hai bên, đại diện có thẩm quyền của Việt Nam và Campuchia đã ký chính thức hai văn kiện này ghi nhận và pháp lý hóa 84% thành quả PGCM biên giới trên đất liền .

2.3. Về Bản Ghi nhớ giữa hai Chính phủ năm 2011

Nhằm giải quyết một số vấn đề khó khăn vướng mắc trong quá trình phân giới, cắm mốc và giữ nguyên hiện trạng quản lý, đất đai ruộng vườn của người dân đã và đang tăng gia sản xuất từ lâu đời, cũng như tạo thuận lợi cho việc sinh sống của cư dân dọc biên giới hai nước, ngày 23/4/2011, nhân dịp chuyến thăm Campuchia của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng, đại diện Chính phủ hai nước đã ký "Bản ghi nhớ về việc điều chỉnh đường biên giới trên bộ đối với một số khu vực tồn đọng giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia" (sau đây gọi tắt là "MOU").

Việc hoán đổi đất theo MOU là giải pháp hữu hiệu để khai thông bế tắc trong quá trình phân giới, cắm mốc giữa hai nước. Giải pháp này giữ nguyên đường quản lý thực tế ở một số khu vực, bảo đảm ổn định đời sống sinh hoạt, sản xuất của cư dân biên giới,

đáp ứng nguyện vọng chung của người dân và chính quyền địa phương hai bên, được người dân hai bên đồng tình, ủng hộ.

3. Các tồn đọng liên quan đến phân giới, cắm mốc và hướng xử lý

Tính đến tháng 12/2018, thành quả phân giới, cắm mốc đạt được khoảng 84% khối lượng công tác PGCM và hai bên đang phối hợp chặt chẽ để thực hiện mục tiêu ký kết văn kiện pháp lý ghi nhận 84% thành quả này. Đối với 16% còn lại, bao gồm:

- 06 khu vực chưa hoàn thành hoán đổi đất theo mô hình MOU là: 05 khu vực tại Long An - Svay Riêng và 01 khu vực tại Gia Lai, Đắk Lắk - Rattanakiri, Mondulkiri. Hiện nay, hai bên đang tích cực trao đổi, tìm giải pháp phù hợp nhằm giải quyết tất cả các đoạn biên giới liên quan tới việc hoán đổi này.

- 07 đoạn biên giới chưa phân giới, cắm mốc tại các cặp tỉnh Gia Lai - Rattanakiri; Đắk Nông - Mondulkiri; Tây Ninh - Svay Rieng; An Giang – Kandal; Kiên Giang - Kampot.

4. Các công việc triển khai trong thời gian tới

Để thực hiện mục tiêu pháp lý hóa thành quả phân giới, cắm mốc đã đạt được, hai bên cần phải thực hiện và hoàn thành một khối lượng lớn các công việc, cụ thể:

- Hoàn thành nốt việc xác định, xây dựng cột mốc phụ số 22/2 thuộc khu vực làng Tà Ngà của Campuchia giữa tỉnh Kon Tum – Rattanakiri.

- Hoàn thiện các thủ tục đối nội, đối ngoại để hai văn kiện pháp lý ghi nhận thành quả PGCM (84%) được phê chuẩn, có hiệu lực.

- Đối với 16% khối lượng công tác PGCM còn lại, hai bên tiếp tục trao đổi, đàm phán tìm giải pháp công bằng, hợp lý để giải quyết các đoạn biên giới này.

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA VIỆT NAM - CAMPUCHIA GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Đặc điểm của công tác quản lý nhà nước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia giai đoạn hiện nay là trên thực địa vừa có đường biên giới mới được phân giới, cắm mốc, vừa có đường quản lý thực tế từ trước đến nay. Hiện nay, theo các văn bản pháp lý và thỏa thuận song phương, hai bên tiến hành công tác quản lý theo Hiệp định Quy chế biên giới năm 1983 và điểm 8 Thông cáo Báo chí chung năm 1995, được nhắc lại tại khoản 5 Điều III của Hiệp ước Bổ sung 2005.

Hiện nay, các Bộ, ngành và địa phương liên quan đang triển khai công tác quản lý biên giới theo với 02 nhiệm vụ trọng tâm là quản lý chặt chẽ đường biên giới theo quản lý thực tế, bảo vệ vững chắc thành quả phân giới, cắm mốc đã đạt được. Cụ thể, nhiệm vụ trọng tâm của công tác quản lý nhà nước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia là:

1. Thường xuyên quán triệt và tổ chức thực hiện tốt các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước ta về biên giới quốc gia:

- Biên giới quốc gia nước CHXHCN Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Xây dựng, quản lý,

bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh của đất nước. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là sự nghiệp của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý, thực hiện theo hướng phát triển kinh tế, xã hội kết hợp với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

- Việt Nam khẳng định mong muốn xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng; kiên định phương châm giải quyết bằng biện pháp hòa bình, thông qua thương lượng mọi bất đồng, tranh chấp về biên giới lãnh thổ trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, phù hợp với luật pháp và thực tiễn quốc tế.

2. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong cả nước về công tác biên giới nói chung; đồng thời, thông tin một cách rộng rãi, công khai, minh bạch về quá trình đàm phán giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước Việt Nam và Campuchia để dư luận nhận thức đúng, đầy đủ về kết quả mà hai nước đã đạt được dưới góc độ thực sự khách quan, khoa học, không để các đối tượng xấu gây rối, xuyên tạc, ngăn cản tiến trình phân giới, cắm mốc; phối hợp quản lý tốt

đường biên giới, mốc quốc giới và đẩy mạnh hợp tác phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trong khu vực biên giới, hướng tới mục tiêu xây dựng một đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển bền vững giữa hai nước.

Hiện tại, công tác phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia đã đạt được những kết quả khả quan, khối lượng công việc phân giới, cắm mốc trên thực địa còn lại không nhiều, nhưng đều là các vấn đề phức tạp. Thời gian tới, hai bên cần có sự hợp tác chặt chẽ, nỗ lực cao nhất để cùng giải quyết các vấn đề tồn đọng, sớm hoàn thành công tác phân giới, cắm mốc trên thực địa.

3. Chính quyền địa phương các tỉnh biên giới Việt Nam - Campuchia chú trọng tăng cường quản lý khu vực biên giới trên đất liền theo các văn kiện pháp lý và thỏa thuận song phương đã ký kết. Đặc biệt, trong tình hình hai bên chưa hoàn thành công tác phân giới, cắm mốc cần quán triệt nội dung "trong khi chờ đợi giải quyết những vấn đề còn tồn tại về biên giới thì duy trì sự quản lý hiện nay; không thay đổi, xê dịch các cột mốc biên giới; giáo dục không để nhân dân xâm canh, xâm cư và cùng nhau hợp tác giữ gìn an ninh, trật tự biên giới" (Hiệp ước bổ sung năm 2005).

Tập trung chỉ đạo các cơ quan chức năng duy trì ổn định tình hình trật tự, trị an trong khu vực biên

giới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định, xây dựng xong toàn bộ hệ thống cột mốc phụ, cọc dấu bổ sung để tiến tới xây dựng, ký kết văn kiện pháp lý phù hợp ghi nhận thành quả công tác phân giới, cắm mốc đã đạt được.

4. Cán bộ làm công tác biên giới, cán bộ tham mưu, nghiên cứu và các cơ quan truyền thông cần nắm vững các quy định về quản lý biên giới như: Hiệp định quy chế quản lý biên giới năm 1983, Hiệp ước hoạch định năm 1985, Hiệp ước bổ sung năm 2005, Thông cáo Báo chí chung năm 1995, thường xuyên cập nhật đầy đủ tình hình đàm phán giải quyết vấn đề biên giới giữa Việt Nam với các nước láng giềng nói chung, với Campuchia nói riêng. Các chủ thể này cũng cần chủ động nghiên cứu, có nhận thức đúng và đầy đủ về tiến trình đàm phán và ký kết các văn kiện pháp lý về biên giới lãnh thổ; trên cơ sở đó xây dựng các lập luận vững chắc cả về pháp lý, kỹ thuật để đấu tranh bảo vệ những lợi ích của đất nước cũng như những thành quả đã đạt được trong quá trình giải quyết vấn đề biên giới lãnh thổ giữa Nhà nước ta với các nước láng giềng; đồng thời, giúp định hướng dư luận, phản bác luận điệu xuyên tạc, bóp méo sự thật của các thế lực thù địch.

5. Về việc quy hoạch và phát triển hệ thống cửa khẩu: các lực lượng chức năng cần tích cực, chủ động

phối hợp thực hiện Quy hoạch phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới Việt Nam - Campuchia theo Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 26 tháng 08 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; khảo sát nắm bắt nhu cầu mở, nâng cấp cửa khẩu của địa phương, kiến nghị Chính phủ bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch về hệ thống cửa khẩu biên giới Việt Nam - Campuchia theo hướng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; chuẩn bị nội dung đàm phán với Campuchia về việc mở, nâng cấp cửa khẩu theo đề nghị của phía Campuchia.

QUAN HỆ VIỆT NAM - CAMPUCHIA TRONG THỜI GIAN GẦN ĐÂY

Sự gần gũi về địa lý cùng với những điểm tương đồng của nền văn hoá lúa nước đã tạo những cơ sở cho mối quan hệ gắn bó lâu đời giữa hai nước Việt Nam và Campuchia. Trong chuyến thăm đến Campuchia (2/2019), Tổng Bí Thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định "Lịch sử đã gắn kết hai nước chúng ta, mối quan hệ Việt Nam – Campuchia đã trở thành biểu tượng thiêng liêng, tài sản chung vô giá của hai dân tộc".

1. Về chính trị

Từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao (24/6/1967) đến nay, hai nước đã không ngừng củng cố, tăng cường mối quan hệ; tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả các cơ chế hợp tác; tích cực trao đổi các chuyến thăm, tiếp xúc giữa lãnh đạo cấp cao, ký kết nhiều văn kiện làm cơ sở cho việc phát triển hợp tác toàn diện giữa hai nước. Trong đó đáng chú ý:

Ngày 20/7/2017, Quốc vương Campuchia Norodom Sihamoni chào mừng Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng thăm Campuchia. (Nguồn: Bộ Ngoại giao)

Trong năm 2017, hai bên phối hợp tổ chức thành công nhiều cuộc gặp cấp cao như: Phó Thủ tướng Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh và Bộ trưởng cao cấp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế Campuchia Prak Sokhonn đồng chủ trì Kỳ họp lần thứ 15 Ủy ban hỗn hợp Việt Nam - Campuchia và Hội nghị Hợp tác và Phát triển các tỉnh biên giới Việt Nam - Campuchia lần thứ 9 (3/2017), Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc thăm chính thức Campuchia (4/2017), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng thăm Campuchia cấp nhà nước (7/2017), Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân thăm chính thức Campuchia (9/2017). Phía Việt Nam đón Thủ tướng Hun Sen thăm lại một số tỉnh Tây Nam Việt Nam nhân kỷ niệm 40 năm đi tìm đường cứu nước, lật đổ chế độ Khmer Đỏ (6/2017) và sang dự APEC (11/2017), Chủ tịch Heng Samrin thăm chính thức Việt Nam (6/2017). Hai bên tổ chức long trọng Lễ kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (6/2017). Các Bộ, ban, ngành và địa phương của hai nước phối hợp chặt chẽ triển khai nhiều hoạt động thiết thực trong khuôn khổ "Năm Hữu nghị Việt Nam - Campuchia 2017". Hợp tác giữa các Bộ, ngành, địa phương hai nước tiếp tục được củng cố và tăng cường.

Ngày 20/12/2017, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và Thủ tướng Hun Sen cùng duyệt Đội danh dự tại Hà Nội. (Nguồn: Bộ Ngoại giao)

Trong năm 2018, hai bên đã tăng cường thúc đẩy quan hệ hợp tác thông qua nhiều hoạt động cấp cao song phương như: Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc gặp Thủ tướng Hun Sen bên lề Hội nghị Cấp cao Hợp tác Mê Công - Lan Thương lần 2 tại Campuchia (01/2018). Thủ tướng Campuchia Hun Sen sang Việt Nam dự Hội nghị cấp cao khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam và hội đàm với Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc (3/2018). Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và Thủ tướng Hun Sen đã gặp song phương bên lề Hội nghị Cấp cao Ủy hội sông Mê Công quốc tế tại Campuchia (4/2018); Quốc vương Norodom Sihamoni thăm Việt Nam và hội kiến với Tổng Bí Thư, Chủ tịch nước, Nguyễn Phú Trọng (12/2018)…

Từ đầu năm 2019 đến nay, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng trên cương vị là Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam, lần đầu tiên thăm chính thức tới Vương quốc Cammpuchia (2/2019); Đoàn đại biểu cấp cao Quốc hội Vương quốc Campuchia do Chủ tịch Quốc hội Samdech Heng Samrin dẫn đầu thăm chính thức Việt Nam (5/2019); Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh và Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế Campuchia Prak Sokhonn đồng chủ trì Kỳ họp lần thứ 17 Ủy ban hỗn hợp Việt Nam - Campuchia (8/2019); tháng10/2019, Thủ tướng Campuchia Hun Sen sẽ sang Việt Nam thăm chính thức Việt Nam và dự Hội nghị tổng kết công tác PGCM biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia và Lễ Ký 02 văn kiện pháp lý ghi nhận thành quả công tác PGCM Việt Nam - Campuchia...

2. Về quốc phòng, an ninh

Hai bên tiếp tục triển khai thực hiện có kết quả các thỏa thuận hợp tác về quốc phòng, an ninh; phối hợp chặt chẽ, duy trì tuần tra chung trên biển và trên biên giới, trao đổi thông tin, kịp thời xử lý các vụ việc phát sinh, không cho phép lực lượng nào sử dụng lãnh thổ của mình xâm hại nước kia; phối hợp tìm kiếm, cất bốc và hồi hương hài cốt quân tình nguyện, chuyên gia Việt Nam hy sinh ở Campuchia, năm 2018

đã hồi hương 690 hài cốt quân tình nguyện, chuyên gia Việt Nam hy sinh tại Campuchia; trao đổi về giải quyết địa vị pháp lý cho người gốc Việt.

Hai bên cũng hợp tác chặt chẽ trong việc giữ gìn an ninh, trật tự và ổn định ở khu vực biên giới, duy trì kênh đàm phán các cấp và hợp tác thúc đẩy giải quyết các vấn đề còn tồn đọng trong công tác PGCM biên giới trên bộ, phấn đấu hoàn thành công tác PGCM biên giới trên đất liền vào thời gian sớm nhất nhằm xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển giữa hai nước.

3. Về kinh tế, thương mại, đầu tư

Hai bên, tiếp tục tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư v.v... tích cực triển khai có hiệu quả các hiệp định, thoả thuận đã ký kết, nhất là trên các lĩnh vực Việt Nam có khả năng và Campuchia có nhu cầu như điện, nông nghiệp, y tế, thủy lợi, du lịch, giao thông vận tải, quá cảnh hàng hoá v.v... Tính đến cuối năm 2018, Việt Nam có 206 dự án đầu tư sang Campuchia, với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt trên 3 tỷ USD (tập trung chủ yếu trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp), đưa Việt Nam nằm trong top 10 nước có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhiều nhất tại Campuchia. Đầu tư của Campuchia vào Việt Nam cũng tăng lên. Đầu tư của Campuchia vào Việt Nam cũng tiến triển tích cực với 18 dự án, tổng vốn đầu tư trên 58,1 triệu

USD. Kim ngạch thương mại hai nước đạt trung bình khoảng 03 tỷ USD/năm trong những năm gần đây và đạt khoảng 3,8 tỷ USD trong năm 2017[13], tăng gần 30% so với cùng kỳ năm trước. Hai bên đang phấn đấu nâng kim ngạch song phương lên 5 tỷ USD trong những năm tới.

Trong nhiều năm qua, Việt Nam luôn là nước có lượng du khách lớn nhất tại Campuchia. Khách du lịch đến Campuchia năm 2017 đạt hơn 835.000 lượt người. Các cơ chế hợp tác (Ủy ban Hỗn hợp Việt Nam - Campuchia về kinh tế, văn hóa, khoa học và kỹ thuật, Hội nghị Hợp tác và Phát triển các tỉnh biên giới Việt Nam - Campuchia, Hội nghị Thương mại biên giới Việt Nam - Campuchia, ...) tiếp tục được duy trì và tổ chức thường xuyên, góp phần tăng cường thúc đẩy quan hệ hợp tác phát triển kinh tế đất nước, đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân mỗi nước.

4. Về các lĩnh vực hợp tác khác

Trong những năm qua, hai bên cũng đã đẩy mạnh việc hợp tác ở các lĩnh vực như kết nối về kinh tế, giao thông nhằm phát huy hơn nữa thế mạnh của mỗi nước, hợp tác nông nghiệp, hợp tác giữa các địa phương có chung biên giới… Cụ thể là: hai nước đã ký Thỏa thuận khung về kết nối hai nền kinh tế

13. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan đầu năm 2018.

tháng 7/2017, hoàn tất đàm phán Bản Ghi nhớ về Chiến lược hợp tác giao thông vận tải Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến 2030, khánh thành cây cầu biên giới Long Bình (An Giang) - Chrey Thom (Kandal) vào tháng 4/2017; đẩy mạnh hợp tác với Campuchia thông qua các khuôn khổ khu vực như ASEAN, Tiểu vùng sông Mê Công, hợp tác ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia; tăng cường và mở rộng hơn nữa các hình thức hợp tác giữa các địa phương, nhất là các tỉnh có chung biên giới, giữa các thành phố kết nghĩa. Hợp tác giữa các địa phương có ý nghĩa quan trọng không chỉ thúc đẩy quan hệ hợp tác chung mà còn góp phần giải quyết nhiều vấn đề phức tạp giữa hai nước như bảo đảm an ninh, ổn định ở khu vực biên giới, giải quyết các tranh chấp có thể nảy sinh, chống buôn lậu, nhập cư bất hợp pháp.

Hợp tác giữa các ban, bộ, ngành, đoàn thể, các tổ chức nhân dân tiếp tục được đẩy mạnh và đi vào thực chất hơn. Hai bên đã trao đổi các đoàn, trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau. Việt Nam và Campuchia cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, giao lưu nhân dân, nhất là ở các địa phương giáp biên giới.

PHỤ LỤC

HỆ THỐNG CỬA KHẨU BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM – CAMPUCHIA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 26 tháng 08 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia đến năm 2020)

10 CỬA KHẨU QUỐC TẾ

1	**Lệ Thanh** (Gia Lai)	**Oyadav** (Rattanakiri)
2	**Hoa Lư** (Bình Phước)	**Trapeang Sre** (Kratié)
3	**Xa Mát** (Tây Ninh)	**Trapeang Phlong** (Tboung Khmum)
4	**Mộc Bài** (Tây Ninh)	**Bavet** (Svay Rieng)
5	**Bình Hiệp** (Long An)	**Pray Vo** (Svay Rieng)
6	**Dinh Bà** (Đồng Tháp)	**Bontia Chak Cray** (Prey Veng)
7	**Thường Phước** (Đồng Tháp)	**Koh Rokar** (Prey Veng), đường sông
8	**Vĩnh Xương** (An Giang)	**Kaam Samnor** (Kandal), đường sông
9	**Tịnh Biên** (An Giang)	**Phnom Den** (Takeo)
10	**Hà Tiên** (Kiên Giang)	**Prek Chak** (Kampot)

2. 12 CỬA KHẨU CHÍNH

1	**Đắc Ruê** (Đắk Lắk)	**Chi Miết** (Mondulkiri)[14]
2	**Bu Prăng** (Đắk Nông)	**Đắc Đam** (Mondulkiri)
3	**Đắk Peur** (Đắk Nông)	**Bu Sara** (Mondulkiri)
4	**Hoàng Diệu** (Bình Phước)	**Lapakhê** (Mondulkiri)
5	**Mỹ Quý Tây** (Long An)	**Xòm Rông** (Svay Rieng)
6	**Khánh Bình** (An Giang)	**Chrây Thum** (Kandal)
7	**Phước Tân** (Tây Ninh)	**Bố Môn** (Svay Rieng)[15]
8	**Vĩnh Hội Đông** (An Giang)	**Kom Pung Kroxăng** (Takeo), đường sông
9	**Giang Thành** (Kiên Giang)	**Ton Hon** (Kampot)
10	**Lộc Thịnh** (Bình Phước)	**Tôn Lé Cham** (Tboung Khmum)
11	**Kà Tum** (Tây Ninh)	**Chăn Mun** (Tboung Khmum)[16]
12	**Chàng Riệc** (Tây Ninh)	**Đa** (Tboung Khmum)[17]

14. Đã có quyết định nâng cấp cửa khẩu chính nhưng chưa tổ chức khai trương.
15. Được nâng cấp thành cửa khẩu chính theo nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.
16. Đã được nâng cấp thành cửa khẩu chính tháng 10/2015.
17. Đã được nâng cấp thành cửa khẩu chính tháng 3/2016.

3. 27 CỬA KHẨU PHỤ

1	**Tân Tiến** (Bình Phước)	**Chay Khleng** (Kratié)
2	**Vạc Sa** (Tây Ninh)	**Phum Soty** (Tboung Khmum)
3	**Cây Gõ** (Tây Ninh)	**Bos Chếk** (Tboung Khmum)
4	**Tân Phú** (Tây Ninh)	**Kọ** (Tboung Khmum)
5	**Tống Lê Chân** (Tây Ninh)	**Sa Tum** (Tboung Khmum)
6	**Vàm Trảng Trâu** (Tây Ninh)	**Đôn** (Svay Rieng)
7	**Tà Nông** (Tây Ninh)	**Kom Pông Th'Nuông** (Svay Rieng)
8	**Long Phước** (Tây Ninh)	**Tà Y** (Svay Rieng)
9	**Long Thuận** (Tây Ninh)	**Kompông S'Piên** (Svay Rieng)
10	**Phước Chỉ** (Tây Ninh)	**Brasát** (Svay Rieng)

11	**Tân Nam** (Tây Ninh)	**Mơn Chây** (Prey Veng)
12	**Cây Me** (Tây Ninh)	**Phum Thonoúk** (Prey Veng)
13	**Long Khốt** (Long An)	**Xòm Dông** (Svay Rieng)
14	**Vàm Đồn** (Long An)	**Chòm Loong** (Svay Rieng)
15	**Kênh** 28 (Long An)	**Cơ Rúa** (Svay Rieng)
16	**Bá Nguyên** (Đồng Tháp)	**Koos Xâm Pư** (Prey Veng) (Sở Thượng)
17	**Mộc Rá** (Đồng Tháp)	**Koos Xâm Pư** (Prey Veng)
18	**Á Đôn** (Đồng Tháp)	**Gò Đồn** (Prey Veng)
19	**Bình Phú** (Đồng Tháp)	**Bon Tia Chăc Crây** (Prey Veng)
20	**Thông Bình** (Đồng Tháp)	**Pèm Tia** (Prey Veng)
21	**Bắc Đai** (An Giang)	**Bắc Đai** (Takeo)

22	**Sa Kỳ** (Kiên Giang)	**Cok Com Bô** (Kampot)
23	**Vàm Hàng** (Kiên Giang)	**On Long Pring** (Kampot)
24	**Rạch Gỗ** (Kiên Giang)	**Đơm Sơ Sngâu** (Kampot)
25	**Đầm Chít** (Kiên Giang)	**Prêy Tun Lê** (Kampot)
26	**Chợ Đình** (Kiên Giang)	**Thnốt Choong Srong** (Kampot)
27	**Nha Sáp** (Kiên Giang)	**Rưs Xây Pi Cum** (Takeo)

HIỆP ĐỊNH VỀ VÙNG NƯỚC LỊCH SỬ CỦA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN CAMPUCHIA

Ký ngày 07 tháng 07 năm 1982

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Campuchia,

Với lòng mong muốn không ngừng củng cố và phát triển hơn nữa mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Campuchia, theo tinh thần Hiệp ước hòa bình hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa nhân dân Campuchia, ký ngày 18/02/1979.

Căn cứ thực tế là vùng biển nằm giữa bờ biển tỉnh Kiên Giang, đảo Phú Quốc đến quần đảo Thổ Chu của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bờ biển tỉnh Kampot đến nhóm đảo Poulo Wai của Cộng hòa nhân dân Campuchia, gồm những vùng biển từ lâu thuộc nước Việt Nam và nước Campuchia do những điều kiện địa lý đặc biệt của nó và ý nghĩa quan trọng của nó đối với quốc phòng và kinh tế của mỗi nước,

Đã thoả thuận những điều sau đây:

Điều 1: Vùng nước nằm giữa bờ biển tỉnh Kiên Giang, đảo Phú Quốc đến quần đảo Thổ Chu của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bờ biển

tỉnh Kampot đến nhóm đảo Poulo Wai của nước Cộng hòa nhân dân Campuchia là vùng nước lịch sử của hai nước theo chế độ nội thủy, được giới hạn (theo kinh tuyến Greenwich Đông):

Về phía Tây Bắc bởi đường thẳng nối liền các toạ độ $09^0$54’2” vĩ Bắc - $102^0$52’2” kinh Đông và $09^0$54’5” vĩ Bắc - $102^0$57’0” kinh Đông ở đảo Poulo Wai (Campuchia) đến toạ độ$10^0$24’1” vĩ Bắc - $103^0$48’0” kinh Đông và $10^0$25’6” vĩ Bắc - $103^0$49’2” kinh Đông ở đảo Koh Sès (Campuchia) đến toạ độ $10^0$30’0” vĩ Bắc - $103^0$47’4” kinh Đông ở đảo Koh Thmei (Campuchia) kéo đến toạ độ $10^0$32’4” vĩ Bắc - $103^0$48’2” kinh Đông trên bờ biển tỉnh Kampot (Campuchia).

Về phía Bắc bởi đường bờ biển tỉnh Kampot từ các toạ độ $10^0$32’4” vĩ Bắc - $103^0$48’2” kinh Đông đến điểm mút trên bờ biển của đường biên giới đất liền giữa Việt Nam và Campuchia.

Về phía Đông Nam bởi đường nối liền từ điểm mút trên bờ biển của đường biên giới đất liền giữa Việt Nam và Campuchia đến toạ độ $10^0$04’2” vĩ Bắc - $104^0$02’3” kinh Đông ở mũi An Yên đảo Phú Quốc (Việt Nam) vòng theo bờ Bắc đảo đến mũi Đất Đỏ ở toạ độ $10^0$02’8” vĩ Bắc -$103^0$59’1” kinh Đông, kéo qua toạ độ $09^0$18’1” vĩ Bắc - $103^0$26’4” kinh Đông ở đảo Thổ Chu (Việt Nam) đến toạ độ $09^0$15’0” vĩ Bắc

- $103^0$27’0’’ kinh Đông ở đảo Hòn Nhạn thuộc quần đảo Thổ Chu (Việt Nam).

Về phía Tây Nam bởi đường thẳng kéo toạ độ $09^0$55’0’’ vĩ Bắc - $102^0$53’5’’ kinh Đông ở đảo Poulo Wai đến toạ độ $09^0$15’0’’ vĩ Bắc - $103^0$27’0’’ kinh Đông ở đảo Hòn Nhạn thuộc quần đảo Thổ Chu (Việt Nam).

Điều 2: Hai bên sẽ thương lượng vào thời gian thích hợp trên tinh thần bình đẳng, hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau để hoạch định đường biên giới trên biển giữa hai nước trong vùng nước lịch sử nói ở Điều 1.

Điều 3: Trong khi chờ đợi giải quyết biên giới trên biển giữa hai nước trong vùng nước lịch sử nói ở Điều 1:

- Điểm tiếp giáp 0 của hai đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải mỗi nước nằm giữa biển trên đường thẳng nối liền quần đảo Thổ Chu và đảo Poulo Wai và sẽ do hai bên thoả thuận xác định sau.

- Hai bên vẫn lấy đường gọi là đường Brévié được vạch ra năm 1939 làm đường phân chia đảo trong khu vực này.

- Việc tuần tiễu, kiểm soát trong vùng nước lịch sử sẽ do cả hai bên cùng tiến hành.

- Việc đánh, bắt hải sản của nhân dân địa phương trong vùng này vẫn tiếp tục theo tập quán làm ăn từ trước tới nay. Đối với việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên trong khu vực đó, hai bên sẽ cùng nhau thoả thuận.

Hiệp định này làm tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 07/7/1982, thành hai bản bằng tiếng Việt và tiếng Khmer, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM, BỘ TRƯỞNG NGOẠI GIAO **NGUYỄN CƠ THẠCH**	THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CHND CAMPUCHIA, BỘ TRƯỞNG NGOẠI GIAO **HUN SEN**

HIỆP ƯỚC VỀ NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ BIÊN GIỚI GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN CAMPUCHIA

Ký ngày 20 tháng 7 năm 1983

Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa nhân dân Campuchia:

Với lòng mong muốn không ngừng củng cố và phát triển các quan hệ đặc biệt giữa Việt Nam - Campuchia trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và sự giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt để xây dựng đất nước phồn vinh và cuộc sống hạnh phúc của nhân dân hai nước;

Thi hành Điều 4 của Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia ký ngày 18/02/1979 nhằm xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị lâu dài giữa hai nước;

Đã quyết định ký kết Hiệp ước này và với mục đích đó, hai bên đã cử đại diện toàn quyền của mình:

Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Bộ trưởng Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Cơ Thạch;

Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa nhân dân Campuchia: Bộ trưởng Ngoại giao nước Cộng hòa nhân dân Campuchia Hun Sen;

Các đại diện toàn quyền, sau khi trao đổi giấy ủy nhiệm thấy là hợp lệ, đã thoả thuận những điều sau đây:

Điều 1: Trên đất liền, hai bên coi biên giới hiện tại giữa hai nước được thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/100.000 của Sở Địa dư Đông Dương, thông dụng trước năm 1954 hoặc gần năm 1954 nhất (kèm theo 26 mảnh bản đồ được hai bên xác nhận) là đường biên giới quốc gia giữa hai nước.

Ở những nơi nào đường biên giới chưa được vẽ trên bản đồ, hoặc hai bên đều chưa thấy hợp lý thì hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, vì lợi ích của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Campuchia, phù hợp với luật pháp quốc tế và thực tiễn quốc tế.

Điều 2: Hai bên sẽ thương lượng vào thời gian thích hợp để hoạch định đường biên giới trên biển giữa hai nước trong vùng nước lịch sử đã được hai bên thoả thuận theo tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, vì lợi ích của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Campuchia, phù hợp với luật pháp quốc tế và thực tiễn quốc tế.

Điều 3: Vào thời gian thích hợp và được hai bên thoả thuận, hai bên sẽ thành lập Ủy ban liên hợp gồm số

đại biểu bằng nhau của mỗi bên để hoạch định đường biên giới đất liền và đường biên giới trên biển theo Điều 1 và Điều 2 của hiệp ước này, soạn thảo hiệp ước về hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước.

Điều 4: Hiệp ước này sẽ được phê chuẩn và có hiệu lực kể từ ngày trao đổi thư phê chuẩn.

Hiệp ước này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi hiệp ước về hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước nói ở Điều 3 trên đây có hiệu lực.

Làm tại Phnom Penh ngày 20/7/1983 thành hai bản bằng tiếng Việt và tiếng Khmer, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

ĐƯỢC UỶ NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM, BỘ TRƯỞNG NGOẠI GIAO **NGUYỄN CƠ THẠCH**	ĐƯỢC UỶ NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC NƯỚC CHND CAMPUCHIA, BỘ TRƯỞNG NGOẠI GIAO **HUN SEN**

HIỆP ĐỊNH VỀ QUY CHẾ BIÊN GIỚI GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN CAMPUCHIA

Ký ngày 20 tháng 7 năm 1983

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Campuchia;

Căn cứ vào Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia ký ngày 18/02/1979;

Với lòng mong muốn xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị lâu dài giữa hai nước trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước, phù hợp với mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Campuchia nhằm tăng cường bảo vệ an ninh khu vực biên giới hai nước,

Đã thoả thuận những điều sau đây:

I. ĐƯỜNG BIÊN GIỚI VÀ KHU VỰC BIÊN GIỚI

Điều 1: Cho đến khi được hoạch định chính thức, biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia là đường biên giới hiện tại được thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/100.000 của Sở Địa dư Đông Dương (Service Geographique de L'Indochine) thông dụng trước năm

1954 hoặc gần năm 1954 nhất như quy định ở Điều 1 Hiệp ước về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia ký ngày 20/7/1983.

Điều 2: Đường biên giới quốc gia giữa hai nước phải được tôn trọng. Các mốc giới phải được bảo vệ. Cấm xê dịch hoặc làm hư hại mốc giới.

Điều 3: Hai bên thoả thuận thành lập ở mỗi bên một khu vực gọi là khu vực biên giới bao gồm các xã hoặc đơn vị hành chính tương đương có một ranh giới trùng với biên giới quốc gia giữa hai nước Việt Nam và Campuchia nhằm làm cho việc qua lại biên giới của những người dân cư trú hai bên biên giới được thuận tiện, đáp ứng nhu cầu chính đáng hàng ngày của họ và đảm bảo an ninh mỗi khu vực biên giới và mỗi nước.

Hai bên sẽ thông báo cho nhau danh sách các các xã hoặc đơn vị hành chính tương đương nói trên có ghi rõ thuộc huyện, tỉnh.

II. QUẢN LÝ KHU VỰC BIÊN GIỚI

Điều 4:

a. Những người dân của mỗi bên được phép cư trú trong khu vực biên giới nói ở Điều 3 hiệp định này, từ 15 tuổi trở lên được nhà đương cục có thẩm quyền nước mình cấp một giấy chứng minh biên giới có ký hiệu riêng do hai bên thoả thuận, nhằm phân biệt với những người cư trú ngoài khu vực biên giới.

b. Những phần tử xấu có nguy hại cho việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội và kinh tế ở khu vực biên giới không được cư trú trong khu vực biên giới.

Điều 5:

a. Những người dân cư trú trong khu vực biên giới bên này được phép qua khu vực biên giới bên kia để mua bán, trao đổi hàng hoá cần thiết cho đời sống hàng ngày và cho nhu cầu sản xuất, thăm viếng người thân, xem chiếu phim, xem biểu diễn văn nghệ v.v...

b. Hai bên sẽ quy định danh mục, số lượng những mặt hàng người dân khu vực biên giới bên này được phép mang theo sang khu vực biên giới bên kia như nói ở khoản a điều này. Những thứ hàng này được miễn giấy phép và thuế quan.

c. Những hàng hoá nói ở khoản a và b điều này chỉ được mua bán tại các chợ do chính quyền mỗi bên mở tại khu vực biên giới và phải tuân theo luật lệ của mỗi bên.

Điều 6:

a. Những người dân khu vực biên giới bên này không được sang khu vực biên giới bên kia cư trú, làm nhà, canh tác, lấy lâm thổ sản, săn bắn, chăn trâu bò, gia cầm v.v... đánh cá, bắt tôm trừ trường hợp được phép của chính quyền hai bên từ cấp huyện trở lên. Trường hợp sang khu vực biên giới bên kia cư trú, làm nhà trái với quy định này sau khi hiệp định

này có hiệu lực thì đương sự phải dỡ nhà trở về nước mình trong vòng sáu tháng.

b. Trường hợp đang sản xuất tại khu vực biên giới bên kia khi hiệp định này có hiệu lực và không được phép tiếp tục nữa, nếu là hoa màu và cây lâu năm chưa kịp thu hoạch thì đương sự được phép tiếp tục qua biên giới để chăm sóc cho đến khi thu hoạch xong và chỉ được làm và thu hoạch hết vụ đó. Đối với cây lâu năm, chậm nhất một năm sau khi hiệp định này có hiệu lực, đương sự phải nhượng lại cho chính quyền địa phương sở tại và chính quyền địa phương sở tại cần xem xét việc bồi thường cho đương sự theo giá thoả thuận.

c. Trong lúc tiến hành các hoạt động sản xuất nói trên ở khu vực biên giới bên kia, đương sự phải tuân theo luật lệ của bên kia.

Điều 7: Đối với những người dân lương thiện bên này đã sang cư trú ở khu vực biên giới bên kia từ lâu, trước ngày hiệp định này có hiệu lực mà tôn trọng luật pháp và phong tục tập quán nước sở tại thì chính quyền địa phương tạo điều kiện cho họ tiếp tục ở lại làm ăn sinh sống. Những phần tử xấu, làm ăn phi pháp không được hưởng điều khoản này.

Điều 8:

a. Ở những nơi đường biên giới đi giữa dòng sông, suối, kênh, rạch, những người dân khu vực biên

giới hai bên được sử dụng nước sông, suối, kênh, rạch đó vào sinh hoạt hàng ngày, được đánh bắt cá, tôm v.v... và tàu thuyền được đi lại bình thường, nhưng không được lên bờ phía bên kia, trừ trường hợp bị tai nạn, và ở đó hai bên sẽ giúp đỡ nạn nhân.

b. Ở những nơi sông, suối, kênh, rạch thuộc một bên do đường biên giới đi về một phía bờ, những người dân khu vực biên giới bên kia vẫn được dùng nước các sông, suối, kênh, rạch đó cho sinh hoạt hàng ngày, tàu thuyền được đi lại bình thường, nhưng không được đánh bắt cá tôm trên các sông, suối, kênh, rạch trừ trường hợp được phép của chính quyền hai bên từ cấp huyện trở lên và họ phải tôn trọng chủ quyền và luật lệ của nước có chủ quyền đối với sông, suối, kênh, rạch đó.

c. Những người dân khu vực biên giới hai bên được làm công trình thủy lợi nhỏ trên sông, suối, kênh, rạch biên giới. Trước khi làm, chính quyền cấp huyện bên có ý định xây dựng công trình đó phải bàn bạc và được sự thoả thuận của chính quyền cấp huyện phía bên kia nhằm bảo đảm lợi ích của cả hai bên và không được làm thay đổi hướng dòng chảy.

Việc xây dựng công trình thủy lợi vừa và lớn trên sông, suối, kênh, rạch biên giới phải do chính quyền cấp tỉnh hai bên bàn bạc và báo cáo lên Chính phủ hai bên quyết định.

Điều 9:

a. Hai bên cần có biện pháp bảo vệ rừng và cây trồng ở hai bên biên giới.

b. Khi một bên bị sâu bệnh phá hoại hoa màu, cây cối hoặc bị cháy rừng, bên đó phải nhanh chóng diệt trừ sâu bệnh và dập tắt đám cháy, đồng thời thông báo ngay cho chính quyền phía bên kia biết để có biện pháp kịp thời phòng ngừa. Nếu được yêu cầu, phía bên kia sẽ tích cực và kịp thời giúp đỡ với mọi khả năng của mình.

Điều 10:

a. Khi có dịch bệnh người và gia súc ở một bên, bên đó phải có biện pháp phòng, chống kịp thời, đồng thời thông báo ngay cho chính quyền địa phương bên kia biết. Nếu được yêu cầu, phía bên kia sẽ tích cực và kịp thời giúp đỡ với mọi khả năng của mình.

b. Trong thời gian có dịch bệnh người hay gia súc ở một vùng biên giới, cần tạm ngừng việc qua lại của những người dân khu vực biên giới lân cận của hai bên và ngừng việc mua bán, chuyển gia súc trong khu vực biên giới đó cũng như ở các vùng lân cận. Việc tạm ngừng nói trên phải do chính quyền cấp tỉnh quyết định.

Điều 11: Khi có người bị bệnh hoặc tai nạn, cần được cấp cứu, những người dân khu vực biên giới bên này có thể trực tiếp liên hệ với cơ sở y tế gần nhất

của bên kia yêu cầu giúp đỡ, đồng thời báo cho chính quyền phía bên mình biết để liên hệ làm thủ tục cần thiết với chính quyền bên kia.

III. KIỂM SOÁT VIỆC QUA LẠI BIÊN GIỚI

Điều 12:

a. Hai bên thoả thuận mở 8 cửa khẩu trên các đường bộ, đường sông sau đây:

Lệ Thanh (Việt Nam) - Đường số 19 - Andong Pech (Campuchia).

Bu Prăng (Việt Nam) - Đường số 14 - Ô Reng (Campuchia).

Bo Nuê (Việt Nam) - Đường số 13 - Xnun (Campuchia).

Xa Mát (Việt Nam) - Đường số 22B, số 7 - Trapeang Phlong (Campuchia).

Mộc Bài (Việt Nam) - Đường số 22A, số 1 - Bavet (Campuchia).

Tịnh Biên (Việt Nam) - Đường số 2 - Phnom Den - Takeo (Campuchia).

Xà Xía (Việt Nam) - Đường số 17 - Lốc - Kampot (Campuchia).

Vĩnh Xương - Thường Phước (Việt Nam) - sông Cửu Long - Sông Tiền, sông Mê Công - Caômsamno - Cốcrôca (Campuchia).

b. Hai bên sẽ đặt trạm kiểm soát ở các cửa khẩu chính làm nhiệm vụ kiểm soát người, hành lý, hàng hoá và phương tiện vận chuyển qua lại biên giới theo những quy định của hiệp định này, hoặc những thoả thuận liên quan khác của hai nước và những luật lệ liên quan của mỗi nước.

c. Ở những nơi xa các cửa khẩu chính nói ở khoản a điều này, chính quyền cấp tỉnh hai bên có thể thoả thuận mở thêm những cửa khẩu phụ trên những đường nhỏ hoặc đường mòn để thuận tiện cho những người dân khu vực biên giới hai bên qua lại.

d. Việc kiểm soát sự qua lại biên giới ở các cửa khẩu phụ sẽ do đồn biên phòng nơi đó phụ trách.

Điều 13: Nhân dân, cán bộ, bộ đội, hàng hoá hai nước qua biên giới phải theo các quy định sau đây:

a. Cán bộ, viên chức, công nhân các ngành kể cả quân đội của mỗi bên, đi tập thể hoặc cá nhân, qua lại biên giới vì lý do đi công tác, thăm viếng hữu nghị, học tập, chữa bệnh hoặc lý do khác kể cả kiều dân của hai bên được phép đi về, phải có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị ngang hộ chiếu do Bộ Ngoại giao nước họ cấp.

b. Các cán bộ, viên chức, công nhân thuộc các ngành và thuộc các tỉnh không phải biên giới của mỗi nước đi qua biên giới nhiều người hay từng cá nhân để thực hiện một nhiệm vụ của cơ quan họ thuộc các cấp theo một thoả thuận giữa hai bên phải có giấy

cho phép qua lại do cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Ngoại giao của mỗi nước cấp.

c. Các đơn vị quân đội hay cá nhân quân nhân của mỗi bên đi qua biên giới để thực hiện một nhiệm vụ đã được Bộ Quốc phòng hai nước thoả thuận phải có một giấy phép đi qua biên giới do một cơ quan quân sự có thẩm quyền được Bộ Quốc phòng hai nước thống nhất cử ra.

d. Các cán bộ, viên chức, công nhân của các tỉnh biên giới một nước đi qua biên giới nhiều người hay từng người để thực hiện một nhiệm vụ hay thăm viếng hữu nghị phải có giấy cho phép qua lại biên giới do nhà chức trách cấp tỉnh mỗi nước cấp. Các giấy cho phép qua lại biên giới đó chỉ có giá trị đối với tỉnh biên giới đến.

e. Dân của mỗi nước đi qua biên giới về việc cá nhân như thăm họ hàng và bè bạn, sửa sang hay di chuyển mồ mả phải có các giấy tương đương giấy thông hành do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nội vụ hay Bộ Ngoại giao của mỗi nước cấp.

f. Dân một vùng biên giới sang vùng biên giới khác theo khoản a điều 5 của hiệp định này phải có giấy căn cước vùng biên giới. Nếu muốn ở lại quá 3 ngày, người hữu quan phải có giấy cho phép rõ ràng của nhà chức trách thôn hay của đơn vị gác biên giới đóng ở điểm gần nhất. Họ phải trình giấy căn cước vùng biên giới và nếu

cần giấy phép của họ với nhà chức trách thôn nơi họ đến theo đúng Điều 15 khoản b dưới đây.

g. Các thành viên đoàn thủy thủ các tàu của một bên đi qua lãnh thổ bên kia phải có thẻ thủy thủ.

h. Hàng hoá mọi loại được chuyển sang bên kia biên giới (trừ hàng của quân đội) phải được kèm các giấy chứng nhận của cơ quan gửi hàng và theo đúng các quy định về hải quan, kiểm tra y tế và bệnh thực vật và các quy định thích hợp của mỗi bên.

Điều 14: Hai bên thoả thuận về các mẫu giấy thông hành biên giới nói ở Điều 13 hiệp định này và thông báo cho nhau biết mẫu chữ ký và mẫu con dấu của mỗi bên. Giấy thông hành biên giới đều ghi bằng hai thứ chữ Việt và Khmer.

Khi một bên có sự thay đổi chữ ký và con dấu cần thông báo mẫu chữ ký và mẫu con dấu mới cho bên kia trước ba mươi ngày để thông báo cho các trạm kiểm soát cửa khẩu, đồn biên phòng và chính quyền xã trong khu vực biên giới.

Điều 15: Việc kiểm soát qua lại biên giới quy định như sau:

a. Người và hành lý, hàng hoá, phương tiện vận chuyển của hai bên qua lại biên giới hai nước, phải có đủ giấy tờ quy định ở Điều 13 hiệp định này, phải qua đúng cửa khẩu ghi trên giấy tờ, phải xuất trình giấy tờ cho trạm kiểm soát cửa khẩu đăng ký và chịu những kiểm soát cần thiết.

Trường hợp người và hành lý, hàng hoá và phương tiện vận chuyển không có hoặc không đủ giấy tờ cần thiết thì không được qua biên giới.

b. Những người dân khu vực biên giới ở những nơi xa cửa khẩu chính có thể qua biên giới bằng cửa khẩu phụ. Khi qua biên giới phải xuất trình giấy tờ với đồn, trạm biên phòng làm nhiệm vụ kiểm soát ở đó. Ở những nơi không có đồn, trạm kiểm soát, đương sự phải xuất trình giấy chứng minh biên giới cho chính quyền cấp xã nơi mình đến. Nếu thời gian lưu lại khu vực biên giới bên kia quá ba ngày đương sự phải xuất trình thêm giấy phép nói ở khoản f, Điều 13 hiệp định này.

c. Những người không thuộc quốc tịch Việt Nam và quốc tịch Campuchia muốn qua biên giới giữa hai nước chỉ được đi qua cửa khẩu trên đường số 22A về phía Việt Nam hay đường số 1 về phía Campuchia; đường sông Cửu Long (sông Tiền) về phía Việt Nam hay đường sông Mê Công về phía Campuchia và chịu sự kiểm soát của các trạm kiểm soát tại những nơi đó.

Điều 16: Hai bên tăng cường hợp tác để giữ gìn trật tự, an ninh chung trong khu vực biên giới hai nước.

a. Khi một bên phát hiện sự hoạt động của biệt kích, gián điệp, tàn quân của chế độ cũ và phần tử xấu khác cần kịp thời thông báo cho bên kia biết và phối hợp đối phó nếu cần.

b. Trường hợp công dân một nước vi phạm luật

pháp và các quy định của nước kia (cướp của, hành hung, buôn lậu, ...) chính quyền địa phương cần kịp thời bắt giữ, lập biên bản rồi giao người và tang vật cho chính quyền nước bên phía công dân đó xử lý.

IV. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 17: Khi xảy ra những chuyện tranh chấp ở biên giới, chính quyền địa phương hai bên tuỳ theo mức độ, cần kịp thời gặp nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hữu nghị và quan hệ đặc biệt giữa hai nước. Trường hợp tranh chấp về lãnh thổ thì chính quyền địa phương mỗi bên phải báo cáo lên Chính phủ nước mình giải quyết. Trong khi chờ đợi, hai bên đều cố gắng giữ quan hệ bình thường không làm cho tình hình phức tạp thêm.

Điều 18: Các ngành có liên quan đến việc bảo vệ an ninh biên giới và chính quyền các tỉnh biên giới của mỗi bên cần gặp nhau bàn bạc biện pháp thực hiện hiệp định này.

Điều 19:

a. Hiệp định này có giá trị trong năm năm kể từ khi Hiệp ước về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia ký ngày 20/7/1983 có hiệu lực.

Ba tháng trước khi hết hạn, nếu không bên nào nêu ý muốn hủy bỏ hiệp định thì hiệp định này mặc

nhiên được gia hạn thêm một thời hạn năm năm nữa.

b. Hiệp định này có thể được bổ sung hoặc sửa đổi theo sự thoả thuận của hai bên ký kết.

Làm tại Phnom Penh, ngày 20/7/1983, thành hai bản bằng tiếng Việt và tiếng Khmer, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM, BỘ TRƯỞNG NGOẠI GIAO **NGUYỄN CƠ THẠCH**	THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CHND CAMPUCHIA, BỘ TRƯỞNG NGOẠI GIAO **HUN SEN**

HIỆP ƯỚC HOẠCH ĐỊNH BIÊN GIỚI QUỐC GIA GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN CAMPUCHIA

Ký ngày 27 tháng 12 năm 1985

Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa nhân dân Campuchia,

Với lòng mong muốn không ngừng củng cố và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Campuchia trên cơ sở những nguyên tắc: Hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không ngừng tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và sự giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt để xây dựng đất nước phồn vinh và cuộc sống hạnh phúc của nhân dân hai nước,

Để xác định chính thức đường biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia nhằm xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị lâu dài giữa hai nước,

Đã quyết định ký hiệp ước này và cử các đại diện toàn quyền của mình:

Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch,

Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa nhân dân Campuchia: Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hun Sen.

Các đại diện toàn quyền của hai bên, sau khi trao đổi giấy ủy quyền thấy là hợp lệ, đã cùng nhau thoả thuận những điều sau:

Điều 1: Căn cứ vào Điều 1 của Hiệp ước về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia ký ngày 20/7/1983 và căn cứ vào các biên bản giữa Đoàn đại biểu Chính phủ hai nước trong Ủy ban Liên hợp ký ngày 13/7/1984 và ngày 08/12/1984, hai bên đã thoả thuận hoạch định đường biên giới quốc gia trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia theo hướng chung từ Bắc xuống Nam như sau:

Khởi đầu từ giao điểm của đường biên giới quốc gia của ba nước Việt Nam, Campuchia và Lào, đường biên giới đi hướng Nam - Tây Nam theo đường sống núi xuống cắt khe tại toạ độ 1622.610-775.280, đi lên theo đường sống núi đến đỉnh núi có toạ độ 1621.125-775.025, theo đường thẳng khoảng 3.650m (ba nghìn sáu trăm năm mươi mét) đến đỉnh núi có toạ độ 1617.700-773.820; chuyển hướng Đông Nam theo đường sống núi đến đỉnh có toạ độ 1616.515-774.600; chuyển hướng Tây Nam theo đường sống núi qua điểm cao 1018 đến đỉnh núi có toạ độ 1613.630-771.550; chuyển hướng Nam theo đường sống núi qua điểm cao 782 đến điểm có toạ độ 1609.400-772.835; chuyển hướng Tây Nam theo đường sống núi qua điểm có toạ

độ 1605.150-770.625, qua các điểm cao 1054 (Ngok Boun), 924, 1022, chuyển hướng Tây - Tây Bắc theo đường sống núi qua điểm có toạ độ 1593.725-765.715, qua điểm cao 837 đến điểm cao 957;

Chuyển hướng Nam - Tây Nam theo đường sống núi cắt suối không tên tại toạ độ 1594.765-762.735, qua đỉnh núi có toạ độ 1594.950-762.000, cắt suối không tên tại toạ độ 1593.650-761.300 đến đỉnh núi có toạ độ 1591.125-761.460, đi xuống theo khe đến điểm có toạ độ 1590.875-762.540, đi lên đến điểm có toạ độ 1590.160-762.020, theo đường sống núi qua các điểm cao 1441, 1412, 465, 734, 885, 903, 754, 847, 697, 614, 710 đến điểm có toạ độ 1560.280-752.250;

Chuyển hướng Đông Nam theo đường sống núi cắt khe tại toạ độ 1558.850-754.390, lên theo đường sống núi cắt khe tại toạ độ 1558.555-754.850, theo đường sống núi qua các điểm cao 338, 421 đến điểm có toạ độ 1557.550-757.580; chuyển hướng Nam theo đường sống núi đến điểm có toạ độ 1555.995-757.445; chuyển hướng Tây đến điểm có toạ độ1555.905-755.935; chuyển hướng Nam - Tây Nam theo đường sống núi đến điểm có toạ độ 1550.610-754.995 qua điểm cao 324, xuống cắt suối không tên đến gặp bờ hữu ngạn của suối đó tại 1547.190-758.095; chuyển hướng Đông theo bờ hữu ngạn của suối không tên đến gặp bờ hữu ngạn của Nậm Sa Thầy tại toạ độ 1548.415-764.340; chuyển hướng Nam theo bờ hữu ngạn của Nậm Sa Thầy đến gặp bờ hữu ngạn của

Sê San tại toạ độ 1540.010-766.095, theo Se San (có đoạn theo bờ tả ngạn, có đoạn theo dòng như đã thể hiện trên bản đồ kèm theo) đến điểm có toạ độ 1525.950-765.365; chuyển hướng Đông - Nam theo đường thẳng khoảng 3.150 m (ba nghìn một trăm năm mươi mét) đến điểm có toạ độ 1524.150-767.940, theo đường thẳng khoảng 1.200 m (một nghìn hai trăm mét) đến đỉnh núi có toạ độ 1524.040-769.150, theo đường thẳng khoảng 3.400 m (ba nghìn bốn trăm mét) cắt đường số 19 đến gặp suối không tên tại toạ độ 1522.350-772.070, theo đường thẳng khoảng 2.950.m (hai nghìn chín trăm năm mươi mét) đến điểm có toạ độ 1520.490-774.345, theo đường thẳng khoảng 6.100 m (sáu nghìn một trăm mét) đến điểm cao 271, theo đường thẳng khoảng 3.550 m (ba nghìn năm trăm năm mươi mét) đến đỉnh núi có toạ độ 1511.800-778.425;

Chuyển hướng Nam theo đường thẳng khoảng 4.600 m (bốn nghìn sáu trăm mét) đến đỉnh núi có toạ độ 1507.160-778.700, chuyển hướng Đông Nam theo đường thẳng khoảng 11.550 m (mười một nghìn năm trăm năm mươi mét) đến điểm cao 468; chuyển hướng Nam theo đường thẳng khoảng 18.550 m (mười tám nghìn năm trăm năm mươi mét) đến điểm có toạ độ 1478.180-785.400; chuyển hướng Nam - Tây Nam theo đường thẳng khoảng 36.950 m (ba mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi mét) đến đỉnh núi có toạ độ 1443.840-771.215, theo đường thẳng khoảng 2.200 m (hai nghìn hai trăm mét) đến điểm có

toạ độ 1441.775-770.450; chuyển hướng Nam - Đông Nam theo đường sống núi cắt suối không tên đến gặp bờ tả ngạn của suối đó tại toạ độ 1440.580-771.000;

Chuyển hướng Nam theo bờ tả ngạn suối không tên đến gặp hợp lưu của sông Srê Pok (Dak Krông) với sông Prêk Dak Đăm tại toạ độ 1440.055-770.650, đi theo bờ hữu ngạn của Prêk Dak Đăm đến điểm có toạ độ 1362.050-769.540; chuyển hướng Tây - Tây Nam theo khe đến gặp bờ hữu ngạn của suối không tên tại toạ độ 1361.825-768.730; chuyển hướng Nam - Tây Nam theo bờ hữu ngạn của suối không tên đến điểm có toạ độ 1360.360-768.225, theo đường sống núi qua yên ngựa xuống theo khe gặp bờ hữu ngạn của O Pôr tại toạ độ 1359.800-766.345, chuyển hướng Nam - Tây Nam theo bờ hữu ngạn của O Pôr đến điểm ở mép phía Bắc đường số 309 có toạ độ 1354.475-765.270;

Chuyển hướng Tây Bắc theo mép phía Bắc đường 309 đến điểm có toạ độ 1355.760-761.250, theo mép phía Đông đường mòn đến điểm có toạ độ 1360.150-759.665; chuyển hướng Tây theo khe cắt Prêk Dak Đăng đến gặp bờ tả ngạn của Prêk Dak Đăng tại toạ độ 1360.030-759.050, theo bờ tả ngạn của Prêk Dak Đăng qua điểm có toạ độ 1362.950-749.050 rồi theo bờ tả ngạn của Dak Huyt đến điểm có toạ độ 1337.455-717.475, theo đường thẳng khoảng 3400 m (ba nghìn bốn trăm mét) đến đỉnh núi có toạ độ 1336.205-714.300; chuyển hướng Nam - Tây Nam

theo đường sống núi đến đỉnh núi có toạ độ 1335.740-714.145; theo khe gặp bờ hữu ngạn của Dak Jerman tại toạ độ 1333.840-708.930, theo bờ hữu ngạn của Dak Jerman đến điểm có toạ độ 1323.950-677.580;

Chuyển hướng Tây theo đường thẳng khoảng 10.700 m (mười nghìn bảy trăm mét) đến điểm có toạ độ 1323.280-666.950; chuyển hướng Bắc - Đông Bắc đến điểm có toạ độ 1323.800-667.160; chuyển hướng Đông đến điểm có toạ độ 1323.890-667.785; chuyển hướng Tây Bắc đến điểm có toạ độ 1324.250-667.420; chuyển hướng Tây theo bờ tả ngạn của Prêk Kriou (Prêk Chriv) đến gặp đường mòn tại toạ độ 1323.760-654.170; chuyển hướng Nam - Đông Nam theo đường thẳng khoảng 13.200 m (mười ba nghìn hai trăm mét) đến gặp giao điểm của đường mòn và bờ hữu ngạn của rạch Chàm (Tônlê Chàm) tại toạ độ 1311.960-660.210, theo bờ hữu ngạn của rạch Chàm (Tônlê Chàm) đến điểm có toạ độ 1290.375-658.630;

Chuyển hướng Tây qua các điểm có toạ độ 1290.270-656.700, 1290.995-655.875, 1290.925-654.690, 1292.620-652.850, 1292.650-652.050, 1292.930-651.450, 1293.075-649.825, 1291.350-646.000, 1291.865-645.740, 1290.815-643.950 đến điểm có toạ độ 1290.650-642.000, chuyển hướng Bắc cắt Prêk Paplam tại toạ độ 1291.285-641.955;

Chuyển hướng Tây Bắc cắt O Ngiev tại toạ độ 1293.330-639.830 đến điểm ở phía Tây đường mòn có toạ độ 1293.950-638.875, theo mép phía

Tây đường mòn đi Ph.Chhung đến điểm có toạ độ 1295.775-638.340; chuyển hướng Tây - Tây Bắc qua điểm có toạ độ 1296.260-635.445, cắt Prêk Atung tại toạ độ 1296.825-634.040, qua điểm có toạ dộ 1296.450-632.995 đến điểm có toạ độ 1296.725-632.325, theo mép phía Nam đường mòn đến điểm có toạ độ 1297.770-630.850; chuyển hướng Bắc - Tây Bắc cắt suối không tên tại toạ độ 1299.315-629.920; chuyển hướng Tây Nam đến điểm có toạ độ 1298.500-628.710; chuyển hướng Tây Bắc cắt suối không tên tại toạ độ 1298.860-628.150; chuyển hướng Tây Nam cắt đường mòn thuộc Phum Chrak Kranh tại toạ độ 1298.230-627.250, đến điểm có toạ độ 1297.380-626.265; chuyển hướng Tây Bắc qua các điểm có toạ độ 1298.115-621.645, 1299.570-620.355, 1299.655-619.580, 1300.435-619.440 cắt Prêk Kdol tại toạ độ 1301.375-617.215 đến điểm có toạ độ 1301.750-617.010; chuyển hướng Tây qua các điểm có toạ độ 1301.705-614.460, 1302.050-613.850 cắt suối Chor tại toạ độ 1301.610-612.015; chuyển hướng Tây Nam qua các điểm có toạ độ 1298.730-610.490, 1296.000-611.050, 1293.415-609.280, 1293.645-608.940, 1291.395-606.925, cắt đường số 22 (78) tại toạ độ 1289.755-607.340, đến điểm có toạ độ 1286.550-604.390, chuyển hướng Tây Bắc đến phía Nam đường mòn ở điểm có toạ độ 1286.825-603.380, theo mép Tây Nam của đường mòn đến điểm có toạ độ 1290.715-597.210; chuyển hướng Tây Nam qua các điểm có toạ độ 1290.050-595.225, 1289.000-593.260

cắt đường số 24 tại toạ độ 1287.690-592.345 đến điểm có toạ độ 1287.465-591.650; chuyển hướng Nam - Tây Nam cắt đường số 24 tại toạ độ 1286.540-591.680, cắt suối không tên đến gặp bờ tả ngạn của suối đó tại toạ độ 1284.900-591.215;

Theo bờ tả ngạn của suối không tên đến gặp bờ tả ngạn của rạch Beng Gô (Tônlê Meanchey) tại toạ độ 1284.200-588.745, theo bờ tả ngạn rạch Beng Gô, rạch Cái Bắc (Tônlê Meanchey, Tônlê Roti, Kompong Kdei) đến điểm có toạ độ 1261.650-597.150, cắt rạch Cái Bắc đến gặp bờ hữu ngạn rạch Cái Cậy (Prek Kompong Spean), theo bờ hữu ngạn của rạch đó đến gặp đường số 24 tại toạ độ 1260.475-595.465; chuyển hướng Nam qua các điểm có toạ độ 1259.000-596.360, 1257.050-595.425, 1256.465-596.760, 1253.280-596.050, 1250.800-595.050, cắt rạch Nàng Dinh (Prêk Anlung Kei) tại toạ độ 1247.980-594.650, đến điểm có toạ độ 1246.855-595.165; chuyển hướng Đông đi theo mép Nam đường mòn đến điểm có toạ độ 1247.200-599.600; chuyển hướng Nam theo mép phía Tây đường mòn đến cắt đường số 13 (242) tại toạ độ 1243.250-599.650, theo mép phía Đông đường mòn đến điểm có toạ độ 1242.360-599.920; chuyển hướng Đông Nam qua các điểm có toạ độ 1239.880-601.630, 1238.600-603.150, 1237.490-605.915, 1237.770-607.000, 1236.950-611.150, 1231.425-612.165, 1229.370-615.700, 1226.700-618.010; chuyển hướng Đông Bắc cắt suối không tên tại toạ độ 1227.130-619.080; chuyển hướng Đông Nam qua

điểm có toạ độ 1225.675-620.410, cắt suối không tên tại toạ độ 1223.775-621.195; chuyển hướng Đông Bắc qua các điểm có toạ độ 1225.770-623.180, 1226.620-624.900 đến điểm có toạ độ 1227.205-626.490;

Chuyển hướng Nam - Đông Nam theo đường thẳng khoảng 3500m (ba nghìn năm trăm mét) cắt đường số 1 tại toạ độ 1224.350-628.510, đi theo đường thẳng dài 3.300 m (ba nghìn ba trăm mét) đến điểm có tọa độ 1221.515-630.165, theo đường thẳng khoảng 4300 m (bốn nghìn ba trăm mét) cắt đường mòn tại toạ độ 1217.250-630.675. Theo đường thẳng khoảng 2.250 m (hai nghìn hai trăm năm mươi mét), cắt đường số 6A tại toạ độ 1215.050-631.175, đến điểm có toạ độ 1213.190-632.125; chuyển hướng Tây qua điểm có toạ độ 1213.070-629.450 (ngã ba đường mòn), cắt rạch Soc Nôc (Stoeng Mesâr Thgâk) tại toạ độ 1213.710-627.480; theo bờ phía Nam của rạch Soc Nôc đến điểm có toạ độ 1214.065-626.600; chuyển hướng Tây Nam đến điểm có toạ độ 1213.350-625.445; chuyển hướng Nam cắt Stoeng Tadév tại toạ độ 1211.225-625.645, đến điểm có toạ độ 1209.500-626.290; chuyển hướng Nam - Tây Nam theo đường thẳng khoảng 3.300 m (ba nghìn ba trăm mét) đến điểm có toạ độ 1206.580-624.725; chuyển hướng Nam - Đông Nam theo đường thẳng khoảng 4100 m (bốn nghìn một trăm mét) đến ngã ba đường mòn xóm Ba Thu tại toạ độ 1203.470-627.400, theo đường thẳng khoảng 6.150 m (sáu nghìn một trăm năm mươi mét) đến điểm có toạ độ 1197.995-630.245, theo

đường thẳng khoảng 5250 (năm nghìn hai trăm năm mươi mét) đến điểm có toạ độ 1192.775-630.490;

Chuyển hướng Tây Bắc theo đường thẳng khoảng 3.600 m (ba nghìn sáu trăm mét) đến điểm có toạ độ 1195.080-627.735; chuyển hướng Tây theo đường thẳng khoảng 7.500 m (bảy nghìn năm trăm mét) đến điểm có toạ độ 1194.650-620.225, theo đường thẳng khoảng 2.850 (hai nghìn tám trăm năm mươi mét) đến cắt đường mòn tại toạ độ 1195.130-617.440; chuyển hướng Tây Bắc theo đường thẳng khoảng 8.050 m (tám nghìn không trăm năm mươi mét) đến điểm có toạ độ 1199.785-610.895, theo đường thẳng khoảng 6.100 m (sáu nghìn một trăm mét) cắt đường mòn tại toạ độ 1204.140-606.615, theo đường thẳng khoảng 3.550 m (ba nghìn năm trăm năm mươi mét) đến điểm có toạ độ 1206.500-603.950, theo đường thẳng khoảng 450 m (bốn trăm năm mươi mét) cắt O Kâmpông Rou đến gặp bờ phía Tây của rạch đó tại toạ độ 1206.710-603.565;

Chuyển hướng Nam - Tây Nam theo bờ phía Tây của O Kâmpông Rou, rạch Cá Rô đến điểm có toạ độ 1198.010-602.575; chuyển hướng Tây - Tây Bắc theo đường thẳng khoảng 4.000 m (bốn nghìn mét) cắt đường mòn tại toạ độ 1198.620-598.660, theo đường thẳng khoảng 5.800 m (năm nghìn tám trăm mét) cắt Prêk Kâmpông Rôtêk đến gặp bờ phía Tây của rạch này tại toạ độ 1200.740 – 593.250; chuyển hướng Bắc theo bờ phía Tây của Prêk Kâmpông Rôtêk đến

điểm có toạ độ 1201.245-593.305; chuyển hướng Bắc - Đông Bắc theo dường thẳng khoảng 3.850 m (ba nghìn tám trăm năm mươi mét) đến điểm có toạ độ 1204.710-594.875; chuyển hướng Tây Bắc theo đường thẳng khoảng 4.600 m (bốn nghìn sáu trăm mét), cắt đường số 258 (1010) tại toạ độ 1208.500-592.225; theo đường thẳng khoảng 5.500 m (năm nghìn năm trăm mét) đến điểm có toạ độ 1212.765-588.765; theo đường thẳng khoảng 7.400 m (bảy nghìn bốn trăm mét) cắt rạch không tên chảy vào rạch Long Khốt tại toạ độ 1219.415-485.515;

Chuyển hướng Tây - Tây Nam, theo bờ phía Bắc của rạch Long Khốt, rạch Cái Cỏ (Prêk Kâmpông Snay), rạch Cái Trốt, rạch Cái Cỏ đến điểm có toạ độ 1210.100-555.650; chuyển hướng Tây Bắc cắt qua sông Tam Ly (Prêk Tra Bek), đến gặp bờ phía Tây của sông đó tại toạ độ 1210.605-554.895; chuyển hướng Tây Nam theo bờ phía Tây của sông Tam Ly đến gặp bờ phía Bắc của sông Sở Hạ (Prêk Krôm) tại toạ độ 1210.075-554.620; theo bờ phía Bắc của sông Sở Hạ đến gặp bờ phía Bắc của rạch Cái Xu tại toạ độ 1202.170-539.000; theo bờ phía Bắc của rạch Cái Xu đến điểm có toạ độ 1201.560-538.680, theo bờ phía Bắc của rạch không tên đến gặp giữa sông Sở Thượng (Prêk Kaoh Sampou) tại toạ độ 1200.210-537.315; chuyển hướng Tây Bắc theo giữa sông Sở Thượng đến điểm có toạ độ 1204.205-529.380;

Chuyển hướng Tây - Tây Nam, theo đường thẳng khoảng 2.850 m (hai nghìn tám trăm năm mươi mét) đến điểm có toạ độ 1203.795-526.560; chuyển hướng Tây - Tây Bắc theo đường thẳng khoảng 2.700 m (hai nghìn bảy trăm mét) đến điểm có toạ độ 1204.695-524.000, theo đường thẳng khoảng 2.250 m (hai nghìn hai trăm năm mươi mét) đến điểm có toạ độ 1205.900-522.115; chuyển hướng Tây theo đường thẳng khoảng 1.900 m (một nghìn chín trăm mét) đi qua sông Cửu Long (Mê Công) để đến điểm có toạ độ 1205.950-520.215, chuyển hướng Tây Bắc theo đường thẳng khoảng 3.000 m (ba nghìn mét) đến điểm có toạ độ 1207.215-517.475; chuyển hướng Tây theo đường thẳng khoảng 2.700 m (hai nghìn bảy trăm mét) đến điểm có toạ độ 1207.050-514.790, theo đường thẳng khoảng 2.500 m (hai nghìn năm trăm mét) đến điểm có toạ độ 1206.650-512.310, đi song song với Prêk Bak Nam và cách bờ phía Nam rạch đó khoảng 150 m (một trăm năm mươi mét) ra gặp mép phía Đông của cù lao Bắc Nam tại toạ độ 1207.325-511.300, rồi men theo mép phía Đông của cù lao đó ngược giữa sông Hậu Giang (Tônlê Bassac) đến điểm có toạ độ 1209.180-512.970; chuyển hướng Bắc - Tây Bắc theo rạch không tên gặp giữa sông Hậu Giang (Tônlê Bassac) tại điểm có toạ độ 1211.305-512.000, ngược giữa sông đó đến điểm có toạ độ 1210.950-509.440;

Chuyển hướng Tây Nam đi song song với rạch Bình Ghi và cách bờ phía Tây rạch đó khoảng từ 50

m (năm mươi mét) đến 100 m (một trăm mét) như đã thể hiện trên bản đồ kèm theo, dài khoảng 2.200 m (hai nghìn hai trăm mét) đến khúc ngoặt; tiếp đó đi song song và cách bờ khoảng 150 m (một trăm năm mươi mét) đến điểm gặp sông Châu Đốc (Prêk Moak Chruk) và cắt sông Châu Đốc tại toạ độ 1204.225-504.500, theo đường thẳng 1.100 m (một nghìn một trăm mét) đến điểm có toạ độ 1203.690-503.550; chuyển hướng Nam - Đông Nam theo đường thẳng khoảng 2.500 m (hai nghìn năm trăm mét) đến điểm có toạ độ 1201.250-504.170, theo đường thẳng khoảng 6.050 m (sáu nghìn không trăm năm mươi mét) cắt rạch không tên tại toạ độ 1195.810-506.825, theo đường thẳng khoảng 1.500 m (một nghìn năm trăm mét) đến điểm có toạ độ 1194.295-506.755, theo đường thẳng khoảng 1.100 m (một nghìn một trăm mét) cắt sông Tra Keo (Stoeng Takêv) đến điểm có toạ độ 1193.250-507.240, theo đường thẳng khoảng 1.750 m (một nghìn bảy trăm năm mươi mét) đến điểm có toạ độ 1191.500-507.600 theo đường thẳng khoảng 1.150 m (một nghìn một trăm năm mươi mét) đến điểm có toạ độ 1191.040-508.650, theo đường thẳng khoảng 3.000 m (ba nghìn mét) đến điểm có toạ độ 1188.620-510.460, theo đường thẳng khoảng 3.800 m (ba nghìn tám trăm mét) đến điểm có toạ độ 1184.890-511.080;

Chuyển hướng Tây Nam theo đường thẳng khoảng 13.250 m (mười ba nghìn hai trăm năm mươi mét) cắt rạch không tên tại toạ độ 1178.250-

499.615, theo đường thẳng khoảng 4.650 m (bốn nghìn sáu trăm năm mươi mét) đến điểm có toạ độ 1175.700-495.680, chuyển hướng Nam - Tây Nam theo đường thẳng khoảng 3.650 m (ba nghìn sáu trăm năm mươi mét), cắt rạch Cây Dương tại toạ độ 1172.960-493.310, theo đường thẳng khoảng 8.250 m (tám nghìn hai trăm năm mươi mét) đến điểm có toạ độ 1165.740-489.210, theo đường thẳng khoảng 4.300 m (bốn nghìn ba trăm mét) đến điểm có toạ độ 1162.825-486.050; chuyển hướng Tây theo đường thẳng khoảng 12.450 m (mười hai nghìn bốn trăm năm mươi mét) cắt rạch Can tại toạ độ 1162.450-473.515; chuyển hướng Tây - Tây Bắc theo đường thẳng khoảng 6.850 m (sáu nghìn tám trăm năm mươi mét) đến điểm có toạ độ 1164.600-467.000, theo đường thẳng khoảng 5.300 m (năm nghìn ba trăm mét) đến điểm có toạ độ 1164.855-461.170; chuyển hướng Nam theo đường thẳng khoảng 1.050 m (một nghìn không trăm năm mươi mét) cắt đường mòn tại toạ độ 1163.800-461.660; chuyển hướng Tây đi song song cách bờ Bắc kênh Vĩnh Tế khoảng 150 m (một trăm năm mươi mét) cắt rạch Giang Thành (Stoeng Tonhon) đến điểm có toạ độ 1164.200-456.450;

Chuyển hướng Tây - Nam cắt đường số 161 tại toạ độ 1164.050-456.280, theo mép phía Tây đường mòn đến điểm có toạ độ 1150.000-445.530; chuyển hướng Tây - Bắc theo đường thẳng khoảng 1.600 m (một nghìn sáu trăm mét) cắt rạch không tên tại toạ độ 1151.280-444.580; chuyển hướng Bắc theo đường

thẳng khoảng 300 m (ba trăm mét) đến điểm có toạ độ 1151.580-444.575; chuyển hướng Tây Bắc theo đường thẳng khoảng 1.750 m (một nghìn bảy trăm năm mươi mét) đến điểm có toạ độ 1152.800-443.320; chuyển hướng Tây - Tây Nam theo đường thẳng khoảng 1.600 m (một nghìn sáu trăm mét) đến điểm có toạ độ 1152.540-441.740, theo đường thẳng khoảng 1.150 m (một nghìn một trăm năm mươi mét) đến cắt đường 8A (17) ở giữa cầu Xà Xía tại toạ độ 1152.250-440.640, từ đó kéo thẳng đến điểm mút của đường biên giới quốc gia trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia.

Đường biên giới quốc gia trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia hoạch định như trên, được thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/100.000 của Sở Địa dư Đông Dương (Service Geographique de L'Indochine) thông dụng trước năm 1954 hoặc gần năm 1954 nhất (26 mảnh bản đồ kèm theo được hai Bên xác nhận) bằng ký hiệu chữ thập mầu đen (+) đối với những đoạn biên giới được hai Bên công nhận là hợp lý và được thể hiện bằng ký hiệu chữ thập mầu đỏ (+) ở những đoạn có sửa, và được thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/50.000 UTM (40 mảnh bản đồ kèm theo được hai bên xác nhận) bằng ký hiệu (--- . --- . ----) màu đen. Hai bộ bản đồ trên được gọi là phụ lục I và phụ lục II là bộ phận cấu thành của Hiệp ước này và cả hai bộ bản đồ đó đều có giá trị như nhau. Các toạ độ trong điều này của Hiệp ước ghi theo bản đồ tỷ lệ 1/50.000 UTM được tính đơn vị bằng mét.

Điều 2: Về các vấn đề liên quan đến sông, suối, rạch biên giới:

1. Trường hợp sông, suối, rạch biên giới đổi dòng, đường biên giới vẫn giữ nguyên không thay đổi theo dòng mới nếu hai bên không có thoả thuận nào khác.

2. Những cù lao và bãi bồi ở hai bên đường biên giới trên các sông, suối, rạch biên giới, nếu ở phía Việt Nam thì thuộc về chủ quyền của Việt Nam, nếu ở phía Campuchia thì thuộc về chủ quyền của Campuchia.

Những cù lao và bãi bồi mới xuất hiện sau khi giải quyết xong hoàn toàn đường biên giới cũng được giải quyết theo nguyên tắc nói trên.

3. Khi đi qua cầu bắc trên các sông, suối, rạch biên giới, đường biên giới đi chính giữa cầu, không kể đường biên giới đi dưới sông, suối rạch đó như thế nào.

Điều 3: Trên biển, hai bên căn cứ vào Điều 2 của Hiệp ước về nguyên tắc giải quyết vấn đề biên giới giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia ký ngày 20/7/1983 và căn cứ vào các Điều 2 và Điều 3 của Hiệp định về vùng nước lịch sử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia ký ngày 07/7/1982, đã thoả thuận về nguyên tắc hoạch định đường biên giới trên biển trong vùng nước lịch sử, tức

là đường biên giới quốc gia trên biển giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia như sau:

1. Đường biên giới quốc gia trên biển giữa hai nước xuất phát từ điểm cuối cùng của đường biên giới trên đất liền (theo bản đồ tỷ lệ 1/100.000 và 1/50.000 kèm theo hiệp ước).

2. Đường biên giới quốc gia trên biển tiếp tục đi theo một đường mà hai bên sẽ thoả thuận bảo đảm việc chia đảo đúng như Hiệp định về vùng nước lịch sử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia đã quy định.

3. Đường biên giới này sẽ đi qua điểm 0 là điểm tiếp giáp của hai đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải của mỗi nước và kéo đến một điểm nằm trên đường ranh giới ngoài của lãnh hải mỗi nước.

4. Hải đồ ký kết chính thức kèm theo Hiệp ước về hoạch định biên giới quốc gia trên biển giữa hai nước sẽ là hải đồ của cơ quan đo đạc thủy văn Hải quân Pháp in năm 1955 và 1956, tỷ lệ 1/182.650 mang số hiệu 5394 và 5395.

Căn cứ vào những nguyên tắc trên, Ủy ban liên hợp tiến hành càng sớm càng tốt việc khảo sát thực địa, hoạch định biên giới quốc gia trên biển và soạn

thảo Hiệp ước về hoạch định biên giới quốc gia trên biển giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia.

Điều 4: Hai bên thoả thuận thành lập Ủy ban liên hợp phân giới trên thực địa và cắm mốc quốc giới giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia (dưới đây gọi là Ủy ban Liên hợp) với các nhiệm vụ sau đây:

Căn cứ vào Điều 1 và Điều 2 của hiệp ước này, tiến hành phân vạch trên thực địa toàn bộ đường biên giới quốc gia trên đất liền giữa hai nước; dự kiến vị trí các mốc quốc giới; tiến hành chính thức cắm mốc quốc giới; lập bản đồ quốc giới giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia có ghi vị trí các mốc quốc giới; soạn thảo Nghị định thư cuối cùng để kết thúc công tác phân giới trên thực địa và cắm mốc.

Nghị định thư cuối cùng sẽ là một phụ lục của Hiệp ước này. Bản đồ đường biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia do Ủy ban Liên hợp lập sau khi hoàn thành phân giới trên thực địa và cắm mốc sẽ thay thế cho bản đồ nói ở đoạn cuối Điều 1 của hiệp ước này.

Ủy ban Liên hợp bắt đầu hoạt động ngay sau khi hiệp ước này có hiệu lực, tiến hành công tác của mình theo kế hoạch và các thoả thuận do Ủy ban Liên hợp quyết định và Ủy ban Liên hợp sẽ chấm dứt hoạt động khi đã làm xong nhiệm vụ được giao theo Điều 4 này.

Điều 5: Hiệp ước này sẽ được phê chuẩn và có hiệu lực kể từ ngày trao đổi thư phê chuẩn.

Làm ở Phnom Penh, Thủ đô nước Cộng hòa nhân dân Campuchia, ngày 27/12/1985 thành hai bản bằng tiếng Việt và tiếng Khmer, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau./.

ĐƯỢC UỶ NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM, BỘ TRƯỞNG NGOẠI GIAO **NGUYỄN CƠ THẠCH**	ĐƯỢC UỶ NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC NƯỚC CHND CAMPUCHIA, BỘ TRƯỞNG NGOẠI GIAO **HUN SEN**

THÔNG CÁO BÁO CHÍ VIỆT NAM - CAMPUCHIA[18]

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 1995

1. Nhận lời mời của Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam Võ Văn Kiệt, Thủ tướng Thứ nhất Chính phủ Hoàng Gia Cam-pu-chia Hoàng thân Xam-đéc Krôm Pờ-rẹ Nô-rô-đôm Ra-na-rít đã sang thăm làm việc tại Việt Nam từ ngày 15 đến ngày 17/01/1995.

2. Trong thời gian ở thăm Việt Nam, Thủ tướng thứ nhất Chính phủ Hoàng gia Cam-pu-chia, Hoàng thân Xam-đéc Krôm Pờ-rẹ Nô-rô-đôm Ra-na-rít đã được Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Lê Đức Anh tiếp và nói chuyện thân mật.

3. Thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam Võ Văn Kiệt đã hội đàm với Thủ tướng thứ nhất Chính phủ Hoàng gia Cam-pu-chia, Hoàng thân Xam-đéc Krôm Pờ-rẹ Nô-rô-đôm Ra-na-rít. Cuộc hội đàm diễn ra trong bầu không khí hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau, phản ánh nguyện vọng của hai bên củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác tốt đẹp giữa Việt Nam và Cam-pu-chia.

4. Thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam Võ Văn Kiệt đã nhiệt liệt hoan nghênh Thủ tướng thứ nhất,

18. *Báo Nhân dân ngày 18/1/1995.*

Hoàng thân Xam-đéc Krôm Pờ-rẹ Nô-rô-đôm Ra-na-rít tới thăm làm việc tại Việt Nam và coi đây là một sự kiện quan trọng góp phần tăng cường hơn nữa sự hiểu biết lẫn nhau và quan hệ hợp tác hữu nghị láng giềng tốt giữa Việt Nam và Cam-pu-chia vì lợi ích của nhân dân hai nước và vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phồn vinh ở khu vực.

5. Hai bên đã ghi nhận những bước phát triển mới trong quan hệ giữa hai nước kể từ sau chuyến thăm Việt Nam của hai đồng Thủ tướng Cam-pu-chia tháng 8/1993 và chuyến thăm chính thức Cam-pu-chia của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tháng 4/1994. Hai bên đã trao đổi ý kiến về những biện pháp cụ thể nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau; thúc đẩy quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực khác nhau cũng như việc giải quyết các vấn đề còn tồn tại trên cơ sở những nguyên tắc đã được ghi nhận trong các Thông cáo chung Việt Nam - Cam-pu-chia tháng 01/1992, tháng 8/1993 và tháng 4/1994 là tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe doạ dùng vũ lực, giải quyết mọi vấn đề trong quan hệ hai nước bằng thương lượng hòa bình, bình đẳng và hợp tác cùng có lợi và cùng tồn tại hòa bình, vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phồn vinh ở Đông Nam châu Á.

6. Theo hướng đó, hai bên đã thúc đẩy các cuộc tiếp xúc chính trị cấp cao để mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác nhau và tạo thuận lợi cho việc mở rộng buôn bán và hợp tác kinh tế dưới các hình thức khác nhau.

Hai bên thoả thuận sớm triệu tập cuộc họp Ủy ban hỗn hợp về Hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật vào thời gian gần đây.

Hai bên thoả thuận tiếp tục thực hiện Hiệp định quá cảnh hàng hoá ký ngày 3/4/1994 và sửa đổi một số điều khoản của Hiệp định này cho phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế, luật lệ của mỗi nước và lợi ích của cả hai bên.

Hai bên cùng thoả thuận sớm xúc tiến đàm phán và Hiệp định vận tải nhằm tạo điều kiện cho việc vận chuyển hàng hoá quá cảnh của hai nước.

Phía Cam-pu-chia đánh giá cao việc Việt Nam tiếp tục tiếp nhận sinh viên Cam-pu-chia sang học tại Việt Nam cũng như việc tạo điều kiện thuận lợi cho họ sinh hoạt và học tập tại Viêt Nam. Hai bên thoả thuận tiếp tục thảo luận về việc hợp tác trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo thể theo Hiệp định hợp tác Văn hoá, Giáo dục, Khoa học - Kỹ thuật ký ngày 3/4/1994. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục, Thanh niên và Thể thao Cam-pu-chia đã ký Nghị định thư về giáo dục và đào tạo cho niên khoá 1994 -1995.

7. Phía Cam-pu-chia đã giải thích về Luật nhập cư của Cam-pu-chia và khẳng định cam kết của Cam-pu-chia là Luật này được áp dụng đối với tất cả những người nước ngoài đang sinh sống ở Cam-pu-chia và không nhằm tập trung và trục xuất hàng loạt Việt Kiều cũng như những ngoại kiều khác ở Cam-pu-chia.

Phía Cam-pu-chia sẽ làm những gì có thể được phù hợp với luật lệ của Cam-pu-chia và theo khả năng có thể của mình để bảo đảm an toàn cho Việt Kiều cũng như những ngoại kiều khác ở Cam-pu-chia. Phía Việt Nam ghi nhận và hoan nghênh sự giải thích và cam kết của phía Cam-pu-chia.

Theo tinh thần đó, hai bên thoả thuận tiến hành cuộc họp Nhóm làm việc của chuyên viên hai nước để thoả thuận và giải quyết vấn đề Việt kiều ở Cam-pu-chia trên cơ sở tôn trọng luật lệ của Cam-pu-chia và tập quán và luật pháp quốc tế. Cuộc họp này sẽ diễn ra vào tháng 02/1995 tại địa điểm thuận lợi cho cả hai bên.

Hai bên thoả thuận giải quyết càng sớm càng tốt vấn đề Việt Kiều ở Chrey Thom và sớm tìm ra giải pháp cho người tị nạn Cam-pu-chia ở Việt Nam. Hai bên thoả thuận đàm phán và ký Hiệp định về Lãnh sự.

8. Hai bên khẳng định lại lòng mong muốn xây dựng đường biên giới giữa hai nước thành đường biên giới hòa bình, hữu nghị và ổn định lâu dài, góp phần

phát triển quan hệ hợp tác láng giềng tốt giữa hai nước. Hai bên thoả thuận trong khi chờ đợi giải quyết những vấn đề còn tồn tại về biên giới thì duy trì sự quản lý hiện nay; không thay đổi, xê dịch các cột mốc biên giới; giáo dục không để nhân dân xâm canh, xâm cư và cùng nhau hợp tác giữ gìn an ninh, trật tự biên giới.

Trên tinh thần đó, hai bên nhất trí cho phép chính quyền các địa phương gặp gỡ và dàn xếp với nhau nhằm duy trì an ninh và ổn định trong khu vực biên giới. Hai bên cũng nhất trí thiết lập một cơ chế ở cấp Trung ương để quản lý và kiểm soát biên giới, nhằm ngăn chặn các hoạt động buôn lậu, tội phạm và các hiện tượng tiêu cực khác.

Hai bên khẳng định lại thoả thuận về việc thành lập Nhóm làm việc của các chuyên viên để thảo luận và giải quyết vấn đề phân định ranh giới liên quan đến đường biên giới giữa hai nước.

9. Hai bên hoan nghênh việc ký tắt Hiệp định về phát triển bền vững lưu vực sông Mê Công ngày 28/11/1994 ở Hà Nội và cho rằng việc ký chính thức Hiệp định này sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy hơn nữa sự hợp tác giữa các nước ven sông Mê Công, phù hợp với lợi ích các nước có liên quan. Hai bên nhất trí thảo luận để sớm đạt được một thoả thuận về sự hợp tác trên sông Mê Công phù hợp với tinh thần của Hiệp định này.

10. Hai bên hài lòng ghi nhận những chuyển biến

tích cực gần đây ở Đông -Nam Á và hoan nghênh những nỗ lực nhằm thúc đối thoại, tăng cường hữu nghị, hợp tác và hiểu biết lẫn nhau và giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình. Hai bên khẳng định lòng mong muốn mở rộng quan hệ hợp tác với tất cả các nước và tổ chức ASEAN trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và hợp tác cùng có lợi.

11. Hai bên hài lòng với những kết quả tích cực của các cuộc đàm phán diễn ra trong bầu không khí hữu nghị, hiểu biết và tin cậy lẫn nhau. Hai bên cho rằng kết quả chuyến thăm lần này sẽ tạo ra động lực mới cho việc phát triển quan hệ hữu nghị truyền thống và sự hợp tác nhiều mặt giữa Việt Nam và Cam-pu-chia.

Thủ tướng thứ nhất Chính phủ Hoàng gia Cam-pu-chia Hoàng thân Xam-đéc Krôm Pờ-rẹ Nô-rô-đôm Ra-na-rít chân thành cảm ơn sự đón tiếp nhiệt tình và lòng mến khách mà Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã dành cho Đoàn trong thời gian ở thăm Việt Nam.

12. Thủ tướng thứ nhất Chính phủ Hoàng gia Cam-pu-chia Hoàng thân Xamđéc Krôm Pờ-rẹ Nô-rô-đôm Ra-na-rít đã mời Thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam Võ Văn Kiệt sang thăm, làm việc tại Vương quốc Cam-pu-chia, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã vui vẻ nhận lời. Thời gian cụ thể sẽ được thu xếp qua đường ngoại giao./.

HIỆP ƯỚC GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA BỔ SUNG HIỆP ƯỚC HOẠCH ĐỊNH BIÊN GIỚI QUỐC GIA NĂM 1985

Ký ngày 10 tháng 10 năm 2005

Thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia, (dưới đây gọi là "hai Bên ký kết");

Với lòng mong muốn xây dựng một đường biên giới hòa bình, an ninh, ổn định lâu dài giữa hai nước, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, hợp tác bình đẳng cùng có lợi nhằm duy trì và tăng cường mối quan hệ láng giềng hữu nghị, đoàn kết truyền thống giữa hai nước;

Với mục đích sớm kết thúc tiến trình phân giới, cắm mốc đường biên giới chung giữa hai nước;

Ngài Phan Văn Khải, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngài Samdech Hun Sen, Thủ tướng Chính phủ Hoàng gia Campuchia,

Đã quyết định ký Hiệp ước bổ sung về việc hoạch định biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia (dưới

đây gọi là "Hiệp ước Bổ sung") nhằm xác nhận những sửa đổi so với đường biên giới đã được hoạch định bởi Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia ký ngày 27/12/1985 (dưới đây gọi là "Hiệp ước hoạch định biên giới 1985");

Với những thoả thuận sau đây:

Điều 1: Hai bên ký kết thống nhất áp dụng một số nguyên tắc và giải pháp trên cơ sở Hiệp ước hoạch định biên giới 1985 để điều chỉnh hướng đi của đường biên giới đất liền ở một số khu vực cụ thể:

1. Hai bên ký kết thống nhất áp dụng các nguyên tắc và thực tiễn quốc tế về biên giới theo sông suối để hoạch định đường biên giới sông suối trên toàn tuyến biên giới đất liền giữa hai nước, cụ thể là:

- Đối với những đoạn sông suối biên giới tàu thuyền không đi lại được, đường biên giới đi theo trung tuyến của dòng chảy chính.

- Đối với những đoạn sông suối biên giới tàu thuyền đi lại được, đường biên giới đi theo trung tuyến của luồng chính tàu thuyền đi lại được.

Những nguyên tắc nêu trên được thể hiện cụ thể như sau:

1.1. Vị trí chính xác đường trung tuyến của dòng

chảy chính hoặc của luồng chính tàu thuyền đi lại được và sự quy thuộc của các cồn, bãi và sự xói mòn ven bờ sông suối sẽ được hai bên ký kết xác định cụ thể trong quá trình phân giới, cắm mốc.

Tiêu chuẩn chính để xác định dòng chảy chính là lưu lượng dòng chảy ở mực nước trung bình. Tiêu chuẩn chính để xác định luồng chính tàu thuyền đi lại được là độ sâu của luồng tàu thuyền đi lại được, kết hợp với chiều rộng và bán kính độ cong của luồng tàu thuyền đi lại được để xem xét tổng hợp. Trung tuyến của luồng chính tàu thuyền đi lại được là trung tuyến mặt nước giữa hai đường đẳng sâu tương ứng đánh dấu luồng chính tàu thuyền đi lại được.

1.2. Trong trường hợp không có sự thoả thuận của hai bên ký kết, bất kỳ sự thay đổi nào có thể xảy ra đối với sông suối được lấy làm biên giới cũng không làm thay đổi hướng đi của đường biên giới, không ảnh hưởng đến vị trí của đường biên giới cũng như sự quy thuộc các cồn, bãi. Những cồn, bãi xuất hiện trên sông suối được lấy làm biên giới sau khi đường biên giới đã được xác định trên thực địa sẽ được hoạch định quy thuộc theo đường biên giới đã được xác định trên thực địa. Đối với các cồn, bãi mới xuất hiện và nằm trên đường biên giới đã được xác định trên thực địa, hai bên ký kết sẽ bàn bạc nhằm xác định sự quy thuộc của các cồn bãi nói trên trên cơ sở công bằng và hợp lý.

1.3. Trong trường hợp nảy sinh khó khăn trong việc áp dụng các quy định nêu trên, hai bên sẽ trao đổi hữu nghị nhằm tìm ra một giải pháp mà hai bên có thể chấp nhận được.

2. Trong quá trình giải quyết các vấn đề biên giới trên đất liền giữa Việt Nam và Campuchia, để xác định hướng đi của đường biên giới đối với sáu (06) khu vực mà hai bên ký kết có sự khác biệt về quan điểm trong các vòng họp của Ủy ban liên hợp về biên giới từ năm 1999 - 2000, hai bên ký kết nhất trí dựa vào những yếu tố sau để xem xét và áp dụng:

- Các yếu tố pháp lý mà chính quyền thực dân đã sử dụng để vạch đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia;

- Thực trạng quản lý và chiếm hữu thực sự của dân cư qua nhiều thế hệ;

- Các đặc trưng địa hình phù hợp với những nguyên tắc của luật pháp và thực tiễn quốc tế được áp dụng cho việc xác định hướng đi của đường biên giới qua các dạng địa hình khác nhau như đường phân thủy, đường sống núi, đường nối các điểm cao …

Điều 2:

1. Điều 1 của Hiệp ước hoạch định biên giới 1985 được sửa đổi ở sáu (06) đoạn biên giới cụ thể sau đây:

1.1. Đối với đoạn biên giới ở khu vực tiếp giáp giữa xã Mo Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum - Việt Nam và xã Tàveng Krom, huyện Ta Veng, tỉnh Rattanakiri - Campuchia, do mảnh bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 danh pháp DAKTO 148W đính kèm Hiệp ước hoạch định biên giới 1985 bỏ trắng địa hình và tiếp biên không khớp với mảnh bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 danh pháp YALI 156W đính kèm Hiệp ước hoạch định biên giới 1985, căn cứ vào nội dung được thể hiện trên mảnh bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000 danh pháp PHUM KHAM DORANG 6437-I đính kèm Hiệp ước hoạch định biên giới 1985, hai Bên ký kết thống nhất sửa đổi đoạn biên giới này như sau:

"... từ điểm A tại ngã ba suối không tên ngược dòng suối này đến điểm B".

Đoạn biên giới sửa đổi nêu trên được thể hiện bằng đường đỏ trên sơ đồ tỷ lệ 1/50.000 trong Phụ lục số 1 của Hiệp ước Bổ sung này.

1.2. Đối với đoạn biên giới ở khu vực tiếp giáp giữa xã Ia O, huyện Chư Pả (Ia Grai), tỉnh Gia Lai - Việt Nam và xã Nhang, huyện Andaung Meas, tỉnh Rattanakiri - Campuchia, do hai mảnh bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 danh pháp YALI 156W và mảnh BOKHAM 164W đính kèm Hiệp ước hoạch định biên giới 1985 tiếp biên không khớp, căn cứ vào nội dung được thể hiện trên mảnh bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000

danh pháp PH.THONG 6436-I đính kèm Hiệp ước hoạch định biên giới 1985, hai Bên ký kết thống nhất sửa đổi đoạn biên giới này như sau:

"… từ điểm A tại hợp lưu suối không tên và sông Nậm Sa Thầy, đường biên giới đi theo hướng Nậm Sa Thầy đến hợp lưu giữa sông Nậm Sa Thầy và sông Sê San, sau đó theo dòng sông Sê San đến điểm B".

Đoạn biên giới sửa đổi nêu trên được thể hiện bằng đường đỏ trên sơ đồ tỷ lệ 1/50.000 trong Phụ lục số 2 của Hiệp ước Bổ sung này.

1.3. Đối với đoạn biên giới ở khu vực tiếp giáp giữa xã Ea Bung, huyện Ea Sup và xã Crông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắc Lắc - Việt Nam và xã Srê Huy, huyện Koh Nhèk, tỉnh Mondulkiri - Campuchia, do hai mảnh bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 danh pháp KOMAYOL 172W và BANDON 181W đính kèm Hiệp ước hoạch định biên giới 1985 tiếp biên không khớp, căn cứ vào nội dung được thể hiện trên ba mảnh bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000 danh pháp YALOP 6535-IV, YOKMBRE 6535-III và MEREUCH 6435-II đính kèm Hiệp ước hoạch định biên giới 1985, hai Bên ký kết thống nhất sửa đổi như sau:

"… từ điểm A, đường biên giới đi theo đường thẳng tới điểm B của suối không tên, sau đó theo dòng suối này đến gặp sông Srêpôk".

Hai Bên ký kết thống nhất sửa đổi đoạn biên giới theo đường thẳng này trong quá trình rà soát chuyển vẽ đường biên giới từ bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 sang bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000.

Đoạn biên giới sửa đổi nêu trên được thể hiện bằng đường đỏ trên sơ đồ tỷ lệ 1/50.000 trong Phụ lục số 3 của Hiệp ước Bổ sung này.

1.4. Đối với đoạn biên giới ở khu vực tiếp giáp giữa xã Vĩnh Xương và xã Phú Lộc, huyện Tân Châu và xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang - Việt Nam và xã Kaâm Samnar, huyện Loeuk Dèk và xã Prèk Chrey, huyện Koh Thom, tỉnh Kandal - Campuchia (khu vực giữa sông Mê Kông và Hậu Giang) hai Bên ký kết sẽ dựa vào kết quả khảo sát song phương trên thực địa để điều chỉnh đoạn biên giới nêu trên cho phù hợp với điểm 2, Điều I của Hiệp ước Bổ sung này.

1.5. Đối với hai (02) đoạn biên giới ở khu vực tiếp giáp giữa xã Khánh An và xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang - Việt Nam và xã Prèk Chrey, xã Sampeou Pun (rạch Bình Ghi), huyện Koh Thom, tỉnh Kandal - Campuchia, căn cứ vào nội dung được thể hiện trên mảnh bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000 danh pháp TÂNCHÂU 6030-IV kèm theo Hiệp ước hoạch định biên giới 1985, hai Bên ký kết đã thống nhất sửa đổi các đoạn biên giới này như sau:

"... từ điểm A, đường biên giới ngược dòng sông Bassac (Hậu Giang) đến hợp lưu giữa sông Bassac và rạch Bình Ghi, sau đó theo dòng rạch Bình Ghi đến điểm B".

Hai đoạn biên giới sửa đổi nêu trên được thể hiện bằng đường đỏ trên sơ đồ tỷ lệ 1/50.000 trong Phụ lục số 4 của Hiệp ước Bổ sung này.

2. Đối với đoạn biên giới trong khu vực tiếp giáp giữa xã Quảng Trực, huyện Đăk Rlấp, tỉnh Đắc Lắc (Đắc Nông) - Việt Nam và xã Đăk Đam, huyện Ô Reng, tỉnh Mondulkiri - Campuchia, hai Bên ký kết thống nhất sẽ tiếp tục trao đổi.

Điều 3: Để tạo điều kiện kỹ thuật thuận lợi cho quá trình phân giới và cắm mốc đường biên giới trên đất liền, hai Bên ký kết thống nhất những điểm sau:

1. Các chuyên gia kỹ thuật của mỗi Bên ký kết sẽ tự rà soát việc chuyển vẽ đường biên giới từ bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 của Sở Địa dư Đông Dương đính kèm Hiệp ước hoạch định biên giới 1985 sang bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000 đính kèm Hiệp ước hoạch định biên giới 1985. Các chuyên gia kỹ thuật của hai Bên ký kết sẽ gặp nhau vào cuối năm 2006 để đối chiếu kết quả của mình và đề xuất giải pháp kỹ thuật lên Ủy ban liên hợp về biên giới xem xét và thông qua.

Đối với những khu vực mà hai Bên không nhất trí được về kết quả đối chiếu cũng như giải pháp kỹ

thuật thì đường biên giới tại các khu vực đó sẽ giữ nguyên như trên bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000.

2. Phía Việt Nam sẽ giúp phía Campuchia in mới 05 bộ 40 mảnh bản đồ nền UTM tỷ lệ 1/50.000 có nền địa hình tương tự như nền địa hình của bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000 đính kèm Hiệp ước hoạch định biên giới 1985.

3. Xúc tiến các cuộc họp cấp Ủy ban liên hợp về biên giới và cấp chuyên viên để triển khai phân giới và cắm mốc trên thực địa (bắt đầu từ quý I/2006 đến quý II/2008).

4. Hai Bên ký kết phấn đấu sớm hoàn thành công tác phân giới và cắm mốc trên đất liền trước cuối tháng 12 năm 2008 và xúc tiến thành lập bộ bản đồ địa hình khu vực biên giới giữa hai nước để ghi nhận các kết quả phân giới, cắm mốc trên thực địa, coi đó là bộ bản đồ biên giới chính thức giữa hai nước.

5. Cho đến khi hai bên hoàn thành công việc phân giới, cắm mốc, việc quản lý đường biên giới sẽ tiếp tục được thực hiện theo Thông cáo báo chí của Thủ tướng Chính phủ hai nước ngày 17/01/1995.

Điều 4: Hai Bên ký kết quyết định giao cho Ủy ban Liên hợp về Biên giới những nhiệm vụ sau:

1. Xây dựng kế hoạch tổng thể nhằm thực hiện lộ trình phân giới và cắm mốc đường biên giới chung, được

gọi là TOR (Terms of Reference), trước cuối năm 2005.

2. Phân giới, cắm mốc toàn bộ đường biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia như đã nêu trong điều 1 của Hiệp ước hoạch định biên giới 1985 và điều I, điều II và điều III của Hiệp ước Bổ sung này.

3. Xây dựng bản đồ đường biên giới quốc gia giữa nước CHXHCN Việt Nam và Vương quốc Campuchia.

4. Soạn thảo Nghị định thư về phân giới, cắm mốc đường biên giới trên đất liền giữa hai nước bao gồm các hồ sơ chi tiết về đường biên giới, các mốc quốc giới và bản đồ đường biên giới giữa hai nước thể hiện hướng đi của đường biên giới, vị trí các mốc quốc giới trên toàn tuyến.

Nghị định thư về phân giới và cắm mốc đường biên giới trên đất liền nói trên sẽ là một bộ phận cấu thành của Hiệp ước hoạch định biên giới năm 1985 và Hiệp ước Bổ sung này. Bộ bản đồ của đường biên giới giữa hai nước nêu tại mục 3 điều này sẽ thay thế 26 mảnh bản đồ Bonne tỷ lệ 1/100.000 và 40 mảnh bản đồ UTM tỷ lệ 1/50.000 đính kèm Hiệp ước hoạch định biên giới 1985 và 04 sơ đồ đính kèm Hiệp ước Bổ sung này.

Điều 5: Trong trường hợp có sự khác biệt về giải thích và thực hiện Hiệp ước Bổ sung này, hai bên sẽ giải quyết bằng các biện pháp hòa bình thông qua thảo luận và đàm phán.

Điều 6: Hiệp ước Bổ sung này sẽ được phê chuẩn và có hiệu lực kể từ ngày trao đổi các Văn kiện phê chuẩn.

Bốn Phụ lục đính kèm theo Hiệp ước là một phần không tách rời của Hiệp ước Bổ sung này.

Làm tại Hà Nội ngày 10/10/2005, thành hai bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Khmer và tiếng Pháp; cả ba bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, bản tiếng Pháp được lấy làm căn cứ./.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **PHAN VĂN KHẢI**	THAY MẶT CHÍNH PHỦ HOÀNG GIA CAMPUCHIA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ HOÀNG GIA **HUN SEN**

HIỆP ƯỚC XÁC ĐỊNH GIAO ĐIỂM ĐƯỜNG BIÊN GIỚI GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA VÀ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Ký ngày 26 tháng 8 năm 2008

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Vương quốc Campuchia và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (sau đây gọi tắt là ba Bên ký kết);

Với mong muốn bảo vệ các lợi ích cơ bản của nhân dân mỗi nước, củng cố và tăng cường quan hệ láng giềng hữu nghị giữa ba nước, tạo lập một khu vực ngã ba biên giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác lâu dài;

Trên cơ sở các nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau;

Đã thống nhất ký Hiệp ước xác định giao điểm đường biên giới giữa ba nước như sau:

Điều 1:

1. Giao điểm đường biên giới giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Vương quốc Campuchia và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào nằm tại điểm giao nhau giữa đường biên giới Việt Nam - Campuchia, Việt Nam - Lào và đường biên giới Campuchia - Lào, trên đỉnh núi có độ cao ghi trên bản đồ là 1086.

Điểm này cách điểm có độ cao 918 trong lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 3,11 km về

phía Đông Nam, cách điểm có độ cao 930 trong lãnh thổ Vương quốc Campuchia 2,30 km về phía Tây Nam, cách điểm có độ cao 905 trong lãnh thổ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào 1,83 km về phía Bắc Tây Bắc (đo trên bản đồ đính kèm Hiệp ước ngã ba đường biên giới Việt Nam - Campuchia - Lào tỷ lệ 1/50.000).

2. Tọa độ địa lý giao điểm đường biên giới giữa ba nước là $14^0$41'09,80" vĩ độ Bắc; $107^0$33'23,79" kinh độ Đông; tọa độ vuông góc là X = 1625161,02 m; Y = 775331,60 m; độ cao thực tế là 1.081 m (các số liệu trên đo tại thực địa).

3. Giao điểm đường biên giới giữa ba nước được biểu thị bằng một dấu chấm màu đỏ là tâm của đường tròn có đường kính 3mm, thể hiện vị trí mốc trên bản đồ tỷ lệ 1/50.000 được ba Bên ký kết xác nhận. Bản đồ này được đính kèm Hiệp ước và là một bộ phận không thể tách rời của Hiệp ước.

Điều 2:

1. Ba Bên ký kết thỏa thuận cắm một mốc bằng đá granite tại giao điểm đường biên giới giữa ba nước (Bảng đăng ký mốc giới điểm ngã ba biên giới Việt Nam - Campuchia - Lào và Biên bản cắm mốc ngã ba biên giới Việt Nam - Campuchia - Lào đính kèm theo Hiệp ước này).

2. Ba Bên ký kết có nghĩa vụ bảo vệ và áp dụng mọi biện pháp cần thiết để phòng tránh việc di dời, làm hư hại và phá hủy mốc. Không Bên nào được đơn phương thay đổi vị trí, quy cách mốc quốc giới, kể cả việc cắm bất kỳ một mốc nào khác.

3. Bất cứ Bên nào phát hiện mốc bị dịch chuyển, bị hư hại hoặc bị phá hủy, phải thông báo kịp thời cho hai Bên ký kết bên kia. Ba Bên ký kết căn cứ vào vị trí chính xác của mốc tại Điều I và quy cách mốc giới quy định trong "Bản vẽ thiết kế mốc giới giao điểm đường biên giới Việt Nam - Campuchia - Lào" kèm theo Hiệp ước này để tiến hành trùng tu, khôi phục nguyên trạng mốc giới và cùng nhau ký biên bản xác nhận.

Điều 3:

Hiệp ước này phải được các Bên ký kết phê chuẩn theo quy định của pháp luật nước mình và thông báo cho nhau qua đường ngoại giao. Hiệp ước sẽ có hiệu lực kể từ ngày ghi trên văn bản thông báo cuối cùng.

Hiệp ước này ký tại Thủ đô Hà Nội, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 26 tháng 8 năm 2008 thành ba bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Khmer và tiếng Lào, cả ba văn bản đều có giá trị như nhau. Ba Bên thống nhất làm thêm một văn bản Hiệp ước bằng tiếng Pháp để đối chiếu./.

ĐẠI DIỆN TOÀN QUYỀN NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM	ĐẠI DIỆN TOÀN QUYỀN VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA	ĐẠI DIỆN TOÀN QUYỀN NƯỚC CHDCND LÀO
VŨ DŨNG	**VAR KIM HÔNG**	**PHÔNG SẠ VẮT BÚP PHẢ**

BẢN GHI NHỚ VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH ĐƯỜNG BIÊN GIỚI TRÊN BỘ ĐỐI VỚI MỘT SỐ KHU VỰC TỒN ĐỌNG GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ HOÀNG GIA CAMPUCHIA

Ký ngày 23 tháng 4 năm 2011

Thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia, dưới đây gọi là "hai Bên ký kết".

Với mục tiêu xây dựng đường biên giới hòa bình, an ninh, ổn định lâu dài giữa hai nước trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và hợp tác, tôn trọng lợi ích của nhau để giữ gìn, tăng cường quan hệ láng giềng tốt đẹp và tình đoàn kết, hữu nghị truyền thống giữa hai nước.

Căn cứ Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia ký ngày 27/12/1985 tại Phnom Penh và Hiệp ước giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985 ký ngày 10/10/2005.

Tin tưởng rằng công tác phân giới, cắm mốc biên giới trên bộ giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia sẽ mang lại giải

pháp giải quyết các vụ việc phát sinh trên biên giới, đưa khu vực biên giới thành khu vực hòa bình, hữu nghị, hợp tác toàn diện vì sự bình yên của cư dân sinh sống dọc biên giới hai nước.

Thực hiện sự nhất trí về quan điểm giữa Ngài Nguyễn Tấn Dũng, Thủ tướng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Samdech Akka Moha Sena Padei Techo Hun Sen, Thủ tướng Chính phủ Hoàng gia Campuchia, với mục tiêu nỗ lực để công tác phân giới, cắm mốc trên bộ kết thúc trước cuối năm 2012 và giữ nguyên hiện trạng quản lý, đất đai ruộng vườn của người dân đã và đang tăng gia sản xuất từ lâu đời, phát triển và xóa đói giảm nghèo cũng như tạo thuận lợi cho việc sinh sống của cư dân dọc biên giới hai nước.

Hai Bên thỏa thuận như sau:

Điều 1: Hai Bên ký kết nhất trí giao cho Ủy ban liên hợp Phân giới cắm mốc biên giới đất liền nhiệm vụ sau:

1. Cắm cột mốc số 30 tại cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh - Oyadav thuộc tỉnh Gia Lai (Việt Nam) và tỉnh Rattanakiri (Campuchia) và cột mốc số 314 là cột mốc cuối cùng của đường biên giới đất liền thuộc tỉnh Kiên Giang (Việt Nam) và tỉnh Kampot (Campuchia) tại điểm C trên đường thẳng A và B. Cụ thể cột mốc số 30 và 314 trong Phụ lục 1 và 2 kèm theo.

2. Giữ nguyên hiện trạng quản lý thực tế từ mốc 273 đến mốc 278, trong đó cột mốc 275 được cắm ở bờ Tây kênh 79. Hai Bên sẽ hoán đổi cho nhau phần đất quá canh, quá cư ở khu vực này cho phù hợp về diện tích và lợi ích.

3. Giữ nguyên hiện trạng quản lý thực tế ở khu vực On Lung Chrey (Campuchia) - xã Tân Bình (Việt Nam) trong đó có cột mốc số 126 và 127; khu vực Thlok Trach (Campuchia) - xã Tân Bình (Việt Nam) trong đó có cột mốc 129 và 130; khu vực Chàng Riệc (Việt Nam) - Đa (Campuchia) trong đó có cột mốc số 110; khu vực Đôn (Campuchia) - xã Tân Hà (Việt Nam) trong đó có cột mốc số 100 và khu vực Bưng Chron (Campuchia) - xã Tân Đông (Việt Nam) trong đó có cột mốc số 95. Hai Bên sẽ hoán đổi cho nhau phần đất quá canh, quá cư ở khu vực này cho phù hợp về diện tích và lợi ích.

4. Phần đất quá canh, quá cư ở những khu vực nói trên, hai Bên sẽ tiến hành hoán đổi cho nhau trong phạm vi cùng một tỉnh. Trong trường hợp không có đất điều chỉnh trong cùng tỉnh thì cho phép lấy đất từ tỉnh khác để điều chỉnh.

5. Hai Bên ký kết lấy đường biên giới chuyển vẽ (đường đỏ) trên bản đồ UTM 1/50.000 làm cơ sở để tính toán diện tích đất hoán đổi cho phù hợp với diện tích và lợi ích của các khu vực hoán đổi.

Điều 2: Hai Bên nhất trí coi việc giải quyết các khu vực nói trên là kiểu mẫu cho việc giải quyết các khu vực tồn đọng khác trên biên giới giữa hai nước.

Điều 3: Trong bất cứ trường hợp giải thích và việc thực hiện khác với nội dung của Bản Ghi nhớ này thì hai Bên sẽ giải quyết bằng biện pháp hòa bình thông qua thảo luận và đàm phán.

Điều 4: Bản Ghi nhớ này có hiệu lực ngay sau khi được đại diện có thẩm quyền của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia ký kết.

Làm tại Phnom Penh, Thủ đô Vương quốc Campuchia ngày 23/4/2011 thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Khmer và đều có giá trị như nhau./.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM THỨ TRƯỞNG NGOẠI GIAO CHỦ TỊCH ỦY BAN LIÊN HỢP PGCM BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CAMPUCHIA **HỒ XUÂN SƠN**	THAY MẶT CHÍNH PHỦ HOÀNG GIA CAMPUCHIA BỘ TRƯỞNG CAO CẤP CHỦ TỊCH ỦY BAN LIÊN HỢP PGCM BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN CAMPUCHIA - VIỆT NAM **VAR KIM HONG**

26 mảnh bản đồ tỷ lệ 1/100.000
(Đính kèm Hiệp ước hoạch định 1985)

STT	Tên Mảnh	Số hiệu	Năm
1	DACTO - OUEST	148-W	9/1954
2	YALI - OUEST	156-W	9/1955
3	BOKHAM - EST	164-E	10/1953
4	BOKHAM - OUEST	164-W	3/1954
5	KOMAYON - EST	172-E	9/1953
6	KOMAYON - OUEST	172-W	5/1952
7	BANDON - OUEST	181-W	4/1953
8	BANDON - EST	181-E	11/1953
9	POSTE MAITRE - EST	192-E	10/1953
10	POSTE MAITRE - OUEST	192-W	10/1953
11	SRE KHTUM - EST	191-E	10/1953
12	LOC NINH - EST	201-E	2/1953

13	LOC NINH - OUEST	201-W	2/1953
14	MI MOT - EST	200-E	10/1951
15	TAY NINH - EST	210-E	11/1951
16	MI MOT - OUEST	200-W	10/1951
17	TAY NINH -OUEST	210-W	11/1951
18	PREY VIENG - EST	209-E	6/1952
19	TRANG BANG - OUEST	220-W	1/1952
20	TRANG BANG - EST	220-E	1/1952
21	SVAY RIENG - EST	219-E	2/1951
22	SVAY RIENG - OUEST	219-W	2/1951
23	TAKEO - EST	218-E	9/1951
24	HA TIEN - EST	227-E	1/1953
25	HA TIEN - OUEST	227-W	1/1953
26	KAMPOT - EST	226-E	12/1951

40 mảnh bản đồ tỷ lệ 1/50.000
(Phụ lục II đính kèm Hiệp ước hoạch định 1985)

STT	Tên mảnh bản đồ	Số hiệu	Năm xuất bản
1	Dăk Môt Lop	6538-III	1970 - 1971
2	Pơlei Jar Sieng	6537-IV	5/1971
3	Phum Kham Dorang	6437-I	
4	Phum Hay	6437-II	12/1970
5	Ph. Thong	6436-I	
6	Lệ Thanh	6536-IV	
7	PL. Ya Bô	6536-III	
8	Ya Lôp	6535-IV	
9	Yôk Mbré	6535-III	
10	Méreuch	6435-II	
11	O Téa	6434-I	
12	Bon Drang Phôk	6534-IV	
13	Bon Đak N'Đrot	6534-III	11/1970
14	Đức Minh	6533-IV	
15	Dak Dăm	6433-I	
16	Ấp Doãn Văn	6433-II	
17	O Rang	6433-IV	10/1969
18	Bù Gia Mập	6433-III	5/1971
19	Ấp Phước Thiện	6333-II	9/1971

20	Meak Say	6333-III	
21	Lộc Ninh	6332-IV	5/1970
22	Chôăm Krâ Vien	6232-I	10/1971
23	Bổ Túc	6232-II	4/1975
24	Ta Dath	6232-III	2/1969
25	Mé Mut	6232-IV	11/1971
26	Kh Trâpeăng phlong	6132-II	1/1970
27	Ph Kâmpông Trach	6131-I	7/1971
28	Svay Rieng	6131-II	9/1971
29	An Thạnh	6231-III	3/1969
30	Đức Huệ	6230-IV	4/1975
31	Mộc Hòa	6130-I	7/1971
32	Prey Nhây	6131-III	
33	Vĩnh Thành	6130-IV	6/1969
34	Hồng Ngự	6030-I	
35	Tân Châu	6030-IV	
36	Châu Phú	6030-III	1/1970
37	Tịnh Biên	5930-II	7/1971
38	Tuk Méas	5930-III	6/1971
39	Kiên Lương	5929-IV	
40	Krong Kếp	5829-I	

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
26 Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 024.39719073 - Fax: 024.39719071
Website: http://nxbkhxh.vass.gov.vn
Email: nxbkhxh@gmail.com

Chi nhánh Nhà xuất bản Khoa học xã hội
57 Sương Nguyệt Ánh - Phường Bến Thành - Quận I - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 028.38394948 - Fax: 028.38394948

BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN VIỆT NAM - CAMPUCHIA

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. LÊ HỮU THÀNH

Biên tập nội dung : NGUYỄN THỊ THANH HÀ
Kỹ thuật vi tính : BÙI PHƯƠNG ANH
Sửa bản in: : LẠI KIM TUYẾN
Trình bày bìa : LẠI KIM TUYẾN

In 2000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Công ty TNHH dịch vụ và in ấn CTA
Địa chỉ: Số 126 phố Ái Mộ, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, Hà Nội.
Số xác nhận đăng ký xuất bản : 4972-2018/CXBIPH/1 - 264/KHXH
Số QĐXB: 236/ QĐ cấp ngày 28/12/2018.
ISBN: 978-604-956-498-7
In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2019.